

Tác Giả và Tác Phẩm

Vương Hồng Sển (II)

Tiểu sử

Mất ngày 9.12.1996 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Hơn nửa đời hư
Thú chơi cổ ngoạn, Thú chơi sách



Mục Lục

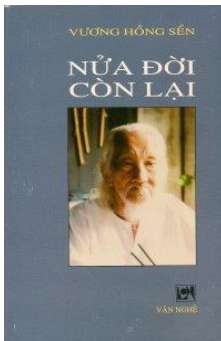
Hơn nửa đời hư...– Lê Hoàng Nguyên - 2
Nước non ngàn dặm ra đi - 5
Sự thật về thầy Huyền Trang - 8
Vương Hồng Sển, lịch sử nhân văn miền Nam – Viên Linh - 10
Phù dung ảo mộng - 12
Nhớ Tết: Tết Tây và Tết Ta, Tết ơi là Tết – 18
Cụ Vương và Khám lớn Sài Gòn – Nhị Linh - 20
Những mẫu truyện ngắn - 22

Phụ đính

Chuyện tình cụ Vương Hồng Sển - Hồng Hạc - 29
Chuyện nhà cụ Vương Hồng Sển – Lê Hoàng Nguyên - 34
Bà Năm Sa Đéc Lê - Hoàng Nguyên – 37

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Hơn nửa đời hư... Lê Hoàng Nguyên



Ngày 9/12 năm 1993, nhạc sĩ Phạm Tuyên đến Vân Đường Phủ (số nhà 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, quận Bình Thạnh) thăm học giả Vương Hồng Sển, Một nhà văn hóa Nam Bộ. Bấy giờ, cụ đã ngoại chín mươi. Trước khi ra về, nhạc sĩ có xin cụ đề tặng sách. Cụ vui vẻ nhận lời, lấy ngay bút ra và viết liền vào trang đầu có in tên tác giả và tên cuốn sách *Hơn nửa đời hư* đầy đặn, một hồi ký độc đáo mới xuất bản. Viết xong, cụ đưa nhạc sĩ xem và hỏi : “Thế này có được không ông?”. Nhạc sĩ lễ độ đưa hai tay đón lấy sách và nhã nhận cảm ơn.



Cụ Vương Hồng Sển thời trung niên
và khi về già

Độc di cảo Vương Hồng Sển

Vẫn bằng giọng văn quen thuộc dung dị, mộc mạc, đầy sức cuốn hút, những bài viết trong tập di cảo của cụ Vương nhắc đến mọi chuyện thăng trầm dâu bể của đời người, từ lúc bé thơ cho đến ngoài tuổi 90, mang hoài vọng ngời ca bản sắc văn hóa độc đáo Việt Nam... Tính đến nay, đã qua 16 lần giỗ của nhà văn hóa, học giả, nhà sưu tập đồ cổ nổi tiếng Vương Hồng Sển (9/12/1996 – 9/12/2012), song, những di sản của cụ bao gồm ngôi nhà (Vân Đường Phủ) và toàn bộ sưu tập đồ cổ (849 cổ vật khác nhau) để lại hiến tặng Nhà nước với hy vọng thành lập một bảo tàng mang tên cụ vẫn chưa được tiếp nhận và bảo quản một cách đúng mức.

Tuy nhiên, về những di cảo của cụ Vương, điều may mắn, Tập bút năm Nhâm Thân đã được tìm thấy trong thư phòng tại Vân Đường Phủ, cùng với những giấy tờ tư liệu và cả những quyển nhật ký của cụ. Đó là những trang viết ghi lại dưới dạng nhật ký kèm theo hồi ức, song cũng là những lời tâm huyết cuối cùng được cụ Vương gửi lại hậu sinh.

Vẫn bằng giọng văn quen thuộc dung dị, mộc mạc, đầy sức cuốn hút, những bài viết trong tập di cảo của cụ Vương nhắc đến mọi chuyện thăng trầm dâu bể của đời người, từ lúc bé thơ cho đến ngoài tuổi 90, mang hoài vọng ngời ca bản sắc văn hóa độc đáo Việt

Nam... Với những tựa đề như “Nhận xét của một tên già 90 tuổi”, “90 tuổi nói về chùa”... gây cảm giác như đùa cợt, nhưng những gì cụ ghi chép, bàn luận đều hết sức nghiêm túc, hệ thống cho người đọc nguồn tài liệu bổ ích về thời cuộc đất nước suốt thế kỷ 20, đồng thời kèm theo những lời trần tình, nhấn nhủ rất mực thiết tha.

Ngày xuân, luận về chuyện già, trẻ có đoạn cụ viết : “Ông vua sang tột bậc rồi cũng có ngày từ già cõi đời, anh nghèo xơ xác, không tiền uống thuốc nhưng vẫn chết bất đắc kỳ tử như hạng lấm tiền. Tôi quan niệm không nên quá tham, hãy để cho người tuổi trẻ thay thế, già nên rút lui mới là sáng suốt, lấy con mắt coi đời mới là người hiểu việc”. Bàn về chuyện đồ cổ, vốn là sở trường đặc biệt của học giả họ Vương, có các bài : “Về phương pháp chơi đồ cổ”, “Khánh Xuân – Đồ sứ cổ của chúa Trịnh Sâm”, “Luận về nghiên mực Túc mặc hầu”, “Luận chơi về cái tô sứ lớn”, “Luận chơi về bộ chén trà Tùng Hạc”... Phần này rất đáng chú ý với những người sưu tập đồ cổ. Cụ khuyên “ta là người Việt Nam, thì tốt hơn đừng quảng tiền mua đồ Tàu, đồ Pháp”.



Một số hiện vật men lam trong sưu tập của cụ Vương

Cụ Vương cũng nêu rõ : “Những đồ “gia bảo”, “quốc bảo” rất có giá trị như : tô, đĩa, chén “Mai Hạc” với câu Nôm “Nghêu ngao vui thú yên hà, Mai là bạn cũ, Hạc là người xưa”, hoặc tô nhỏ hiệu chữ Nhựt, bốn câu “Hai gã bạn tri âm, vui thay một khúc cầm, non cao cùng nước biếc, rằng ít để ai ngâm”, hoặc tô của Đặng Huy Trứ đặt làm có 8 câu 5 chữ “Một thức nước in trời, đồ ai chiếc lá khơi...”, Cần lưu ý thêm, ngoài Văn Đường Phủ, một ngôi nhà xưa phong cách Nam bộ đầu thế kỷ 19, mọi đồ vật chung quanh của cụ Vương Hồng Sển thường luôn có nguồn gốc thuần Việt.

Trong bài viết “Nói riêng chuyện với cháu Dũng” là câu chuyện kể của cụ Vương với người cháu về những ký ức của Sài Gòn thuở còn hoang sơ, chân chất. Bên cạnh sự phát triển, đi lên của đô thị phồn hoa, cụ cũng bộc lộ nỗi lo lắng : “Tỷ như ngày nay, hát bội đã lu mờ, hát cải lương cũng đến chiều xuống dốc, vì vật gì, cái gì cũng có một thời mà thôi. Văn minh tiến bộ cho lắm, nay Âu Mỹ bày ra video, tivi e rằng sẽ làm chết mất hai lối hát Việt này”. Cụ còn nói thêm



Sân sau ngôi nhà, được cho thuê để nấu cơm bình dân

Nếu bác còn sống một đôi năm nữa và nếu nghề viết lách còn đủ nuôi sống bác đây, thì bác sẽ dọn lại gốc tích hát cải lương”.

Một trong những phần khá cảm động, đó là chương tác giả viết thương khóc bà vợ thứ hai khi được tin bà chết. Theo lời cụ Vương Hồng Sển, cụ không có duyên với đàn bà, có vẻ như cụ không được đàn bà yêu thương. Cụ cưới bà vợ thứ nhất năm 20 tuổi. Chưa được một năm, bà này ngoại tình, dẫn đến việc ly dị. Năm 1923 cụ kết hôn với bà vợ thứ hai, bà Dương Thị Tuyết. Sau 19 năm chung sống, năm 1947 bà Tuyết bỏ cụ để lấy một người bạn của cụ. Vậy mà năm 1992, 50 năm sau, được tin bà Tuyết qua đời, cụ đến chào vĩnh biệt bà : “Khóc em Tuyết : Vân hoàng Tần lãnh gia hà tại, Tuyết ủng Lam quan, mã bất tiền”. Trước đó, bà Năm Sa Đéc, bà vợ thứ ba của cụ qua đời vào năm 1988, cụ có văn khóc tế bà : “Khóc em Năm Sa Đéc: Trăm năm dẫu lỗi hẹn hò, Chén cơm Bà Chiêu, con dò Sốc sa”. (theo Trần Trung Sáng)

Tiểu sử Vương Hồng Sển (1902-1996)

Vương Hồng Sển, bút hiệu Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai, là một nhà văn hóa, học giả, nhà sưu tập đồ cổ nổi tiếng. Ông được xem là người có hiểu biết sâu rộng về miền Nam và rất được kính trọng trong giới sử học và khảo cổ ở Việt Nam. Khi chết ông đã hiến tặng ngôi nhà (Vân đường phủ) và toàn bộ sưu tập đồ cổ của mình cho Nhà nước Việt Nam (tổng cộng 849 cổ vật khác nhau) với hy vọng thành lập một bảo tàng mang tên ông.

Năm 2003, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử cấp thành phố ngôi nhà này (địa chỉ: số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, Quận Bình Thạnh)

Vương Hồng Sển sinh ngày 27 tháng 9, 1902, tại Sóc Trăng, mang ba dòng máu Việt, Hoa, Khmer. Nguyên tên thật ông là Vương Hồng Thanh hay Vương Hồng Thịnh, khi làm giấy khai sinh người giữ sổ lục bộ nghi nhầm là Sển (theo cách phát âm tiếng Triều Châu hay còn gọi là tiếng Tiều là một huyện của tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc).

Thời học sinh, ông học tại trường Collège Chasseloup Laubat (nay là trường Phổ thông trung học Lê Quý Đôn). Sau khi đậu bằng Brevet Elémentaire, ông làm công chức ngạch thư ký và phục vụ nhiều nơi từ năm 1923 đến năm 1943, trong đó có dinh Thống đốc Nam Kỳ (1939-1943). Từ năm 1948, ông làm Quyền quản thủ Viện Bảo tàng Quốc gia Việt Nam tại Sài Gòn cho đến khi về hưu vào năm 1964.

Ông là người rất ham mê đọc sách và thích ghi chép tất cả những điều tai nghe, mắt thấy. Phần lớn những tác phẩm của ông rút tỉa từ những tài liệu dưới dạng hồi ký mà ông còn giữ gìn được.

Những nhà phê bình nhận xét về văn của ông Vương Hồng Sển như sau : “Giọng tuy nói cà rỡn nửa đùa nửa thật, nửa giảo chuá, nửa tiêu ớt thỉnh thoảng có đôi chỗ chọc cười, cho bớt buồn ngủ. Văn ấy các học giả có tánh lập nghiêm và chưa quen tai, lấy làm khó chịu, nhưng thét rồi cũng phải nhìn nhận, biết nói pha lửng như dọn cơm trong cảnh nghèo, lấy trái ớt tếp hành để dễ nuốt cơm và chọc cười cho dễ nhớ, thêm nhớ được lâu. Hay như nhà văn Sơn Nam đã nhận xét về ông “Những gì ông viết ra như trần trối, có khi chỉ là chuyện lụn vụn “tào lao”, “loạn xà ngẫu”, nhưng với những người đến sau, nó mang một giá trị to lớn, nó chất chứa những niềm say mê và quuyến rữ”.

Ngay từ thuở nhỏ ông đã sớm biểu lộ sự ưa thích đồ cổ. Một giai thoại do chính ông thuật lại, mẹ ông biết con mình không thích ăn mắm. Một hôm bà đem về một mắm lóc nguyên con và nói rằng đây là thứ mắm quý vì đã giữ được 10 năm. Thế là vì tò mò ông đã ăn thử và từ đấy không sợ mắm nữa.



**Phòng trưng bày một số cổ vật
Vương Hồng Sển (Bảo tàng Lịch
sử Việt Nam)**

Sau khi về hưu, ông chuyên sưu tập các loại sứ gốm cổ, khảo cổ về hát bội, cải lương và cộng tác với đài Phát thanh Sài Gòn với các bút hiệu : Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai. Ngoài ra, ông còn khảo cứu về các trò chơi cổ truyền : đá dế, chọi gà, chọi cá, chơi chim, trồng kiểng, nghệ thuật chơi cổ ngoạn, nghiên cứu về chuyện tiểu lâm xưa và nay, rất sành về đồ cổ. Có thể nói ông là kho tàng sống về các lãnh vực kể trên.

Trong suốt cuộc đời, ông sưu tầm được hơn 800 cổ vật, trong đó nhiều nhất, độc đáo nhất là đồ gốm men xanh trắng thế kỷ 17-19. Ông đã góp phần đáng kể trong việc xác định niên đại và phân loại một số đồ gốm cũng như hướng dẫn kỹ năng ban đầu cho những người thích sưu tầm đồ cổ. Các công trình nghiên cứu của ông được giới chuyên môn đánh giá cao.

Ngoài ra, những người muốn nghiên cứu về lịch sử miền Nam sẽ tìm thấy trong các tác phẩm của ông một nguồn tài liệu bổ ích qua nhãn quan một chứng nhân thời cuộc nước Việt của thế kỷ 20. Nói như học giả Nguyễn Hiến Lê, (1912- 1984) thì :

...Quả như lời Vương quan viết trong bài tựa “Coi vậy mà xài được”. Kể ít học như tôi (Nguyễn Hiến Lê) còn thấy là xài được gần trọn kia đây. Chúng ta nên cảm ơn ông đã ghi lại mặc dầu là hấp tấp trong sự trình bày vô số tài liệu mà trong mấy chục năm, ông đã tốn công đạp xe máy đi sưu tầm khắp Sài Gòn, Chợ Lớn và các vùng lân cận. Về nhà cần nhắc chọn lựa với tinh thần thận trọng: chỗ nào chưa đủ chứng cứ thì tồn nghi....

Ông mất ngày 9 tháng 12 năm 1996 tại Sài Gòn, thọ 94 tuổi.

Về tác giả bài “Nước non ngàn dặm ra đi”

Tôi trộm nghĩ bà công chúa Huyền Trân đời Trần, bị người đời nay gán cho là tác giả bài ca Huế điệu Nam Bình, “Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi”, tôi e sự thật chưa phải vậy. Tạp chí Cửa Việt số 10 năm 1991, từ trang 20 đến 76, lĩnh vực Nguyễn Văn Ngọc viết về “Sự Thành Lập Các Làng Cổ Ở Quảng Trị”, thật là hấp dẫn và đầy đủ, tôi học thêm được rất nhiều về quê cha đất tổ, lĩnh vực nhắc bài Nam Bình “Nước Non Ngàn Dặm...” và nói rằng theo lời cụ Cao Văn Chiếm cho biết, thì chính Huyền Trân công chúa đời Trần, mượn theo điệu hát Chàm, soạn bài ấy... và cũng trong lời chú thích của báo Cửa Việt ghi nơi sau bài của LM, tôi chép y nguyên văn tại đây: “Theo chúng tôi (CV), giả thuyết này (về bài “Nước Non Ngàn Dặm...”), không có cơ sở thực tế, Nam Bình là một điệu nhạc Huế, chỉ ca được giọng Huế, nên chắc phải xuất hiện sau, vì Huyền Trân vốn nói giọng Bắc...(CV)”.

Tôi đã đọc trọn bài, tôi hoàn toàn đồng ý với lời chú thích ấy của Cửa Việt, hôm nay, tôi xin tiếp lời bàn rộng thêm đôi chút, ấy chẳng qua *“tôi thêm mở rộng một cửa không đóng và đã mở toanh...”*. Vậy xin độc giả đừng cười.

Và cũng đừng cười tôi, tuy nay tuổi tròn chín chục, mộng Vu Sơn đã dứt, nhưng lòng xuân còn ngùn như kẻ tuổi đôi mươi tràn trề – mỗi khi tôi gặp và nghe được một giọng ca đúng như tôi hiểu mỗi dấu sắc dấu huyền đều hóa ra dấu nặng, tỷ như *“trắng khuyết”* thành *“trắng Khuyết”*, *“má hồng da tuyết”* thành *“má hồng da tuyết”* v.v... thú thiệt, bất luận người ca nồn nà hay đã như hoa xể chiều - những lúc ấy hồn tôi như gửi đám mây xanh, khiến tôi nhớ Huế ôi là nhớ, và tôi đã được một đôi phút thoát trần, và như vậy đối với tôi, bản Nam Bình *“nước non ngàn dặm...”* ca đúng giọng Huế, quả là một viên ngọc bích đáng trân trọng, thử hỏi trên đời có được mấy bài ca du dương thoát trần như thế này?

Một đôi khi, tôi may gặp người ca sĩ có biệt tài, đã thay thế đi vài chữ, tỷ như bài LM ngọc, thì theo bản của Văn Thanh, 1989, Sở Văn Hóa Bình Trị Thiên (tôi đã được nghe), thì:

- Câu 1: *“Nước non ngàn dặm ra đi, mối tình chi?”* (chữ *“mối”* đổi ra chữ *“cái”*, *“cái tình chi”* nghe bình dân hơn.

- Câu 8: *“Thấy chim hồng nhạn ra đi, tình tha thiết, bóng dương hoa qui”* đổi lại là *“Thấy chim hồng nhạn bay đi (‘bay’ thế cho ‘ra’), tình lai láng, bóng dương hoa qui”*, *“tình lai láng”* thay cho *“tình tha thiết”*, tình tứ hơn.

Theo tôi những biến đổi ấy tôi đều tha thứ, và nếu cho phép tôi nhớ lại nghề xưa, tôi đều cho điểm ưu cả hai, và bàn thêm rộng, và chẳng tiếng Việt là tiếng độc âm, người Việt là người tánh hay xí xỏa, tha thứ, cho nên mặc tình pha phách (Nơi đoạn sau, tôi sẽ múa búa, nhắc lại một bài trong Nam biến thể, sẽ dựng chứng cho bài *“Nước Non Ngàn Dặm...”* ắt không thể nào do bà Huyền Trân sáng tác được).

Chuyện đó để đó, nay nói qua việc hôn phối bà Huyền Trân.

Tội nghiệp thay cho bà, làm vật hy sinh.

Đây là một bài thi, vì hay, nên tôi chép lại, mặc dù tác giả mang tiếng không được trung với vua với nước, thì rằng:

Công chúa Huyền Trân

Đổi chác khôn ngoan cũng nực cười

Vốn đã không mất lại thêm lời

Hai châu Ô Lý vương ngàn dặm

Một gái Huyền Trân của mấy mươi

Lòng đỏ khen ai lo việc nước

Môi son phải giống mãi nên đời

Châu đi rồi lại châu về đó

Ngơ ngẩn trông theo mấy chú Hời

(Chép theo bản trong *“Văn Đàn Bửu Giám”*, Trần Trung Viên và Hư Chu (Mặc Lâm xuất bản, tập 2, trang 2, năm 1976). Tác giả bài thi là Hoàng Cao Khải).

Thơ hay, độc địa, nhức xương, tôi xin nhường độc giả đọc và hiểu lấy. *“Ngơ ngẩn mấy chú Hời”*, tôi làm sao biết được? Duy tôi biết trai đời Trần (mèo đời nào cũng vậy, mắt cục mớ thì tiếc nhớ hùi hụi), và chẳng trai Hời nếu vì vua Chăm xa xỉ, ham miếng đất xéo ba góc mà làm mất hai châu “ngàn dặm”, đó là việc riêng của các trai Hời, còn trai đời Trần khóc bóng gió mấy câu xa xôi: *“Tiếc thay cây quế giữa rừng, ai cho thẳng Mán, thẳng Mường nó leo”*, xít lại gần hơn, nào: *“Tiếc thay hạt gạo tám xoan, thổi nổi đồng điệu lại chan nước*

cà". Tôi để mặc cho bà công chúa hy sinh, tôi khảo xét qua "Việt Nam Sử Lược" của Trần Trọng Kim (bản Tân Việt in lần thứ 5, tôi không đọc được sử chữ Hán), rồi tôi đọc lại bản chữ Pháp của Jean Boisselier, "*La Statuire du Chapa*" (về Tạc Tượng Đá Chàm), tôi mừng vì thấy hai tác giả viết gần y nhau, tôi tóm tắt đại lược ra đây: "Năm 1301 (Tân Sửu) Trần Nhân Tông nhường ngôi cho Trần Anh Tông, đề lên làm thượng hoàng, rồi khoát áo nhà thiền, lên chơi đất Chàm, la cà lâu hoắc và hứa gả một công chúa cho Mân Vương, việc kéo dài sáu năm đến 1306, Huyền Trân làm hậu vua Chàm, hưởng lửa ba năm chưa nòng, ngử dị đồng, phong tục không giống, bỗng 1308, vua Chàm áng giá nước Chàm có tục hỏa thiêu người vợ (sách Tây kể có một ông vua Chàm tử, mười bốn bà chết cháy... Ghê tởm quá), vua Trần Anh Tông sai tướng Trần Khắc Chung giả mượn tiếng viếng thăm, lén rước công chúa thoát khỏi lửa thiêu, (hai châu của Chàm, năm 1307, vua Anh Tông đã nhận và đổi Ô, Rí thành Thuận Châu và Hóa Châu) (CNSL, trang 162), sách Pháp của Boisselier kể tên vua Chàm dài nhằng khó nhớ, tôi đã từng làm "dâu" cho Tây, trường Viễn Đông Bác Cổ nay da cổ còn trầy, phép của trường có chứng tích mới tin, còn nước ta, bên nước ta hễ thơ tục đều phao là của Cống Quỳnh, hễ thơ chót nhả đều phao của bà Hồ Xuân Hương, không thấy ai tranh luận, đến như bài "*Nước Non Ngàn Dặm...*", theo tôi, phải chứng rằng điệu *Nam Bình* đã có từ đời Trần, thì bà Huyền Trân mới có thể phỏng theo và là tác giả được, nhưng xét về lời lẽ, tình tứ, tôi lại nghĩ và xin hỏi người lịch duyệt, Nam Bình điệu e từ đời Tự Đức, các ông hoàng Tùng Thiện, Tuy Lý, các bà công, thiếu chi người tài, (ông Nguyễn Khoa Vỹ chẳng hạn...). Nay tôi viết lại đây một chuyện trong Nam, về buổi phơi thai "*hát cải lương*", cũng chưa đến nổi lạc đề:

Đọc Tam Quốc Chí, ai lại không biết có đến một lúc, bên Thục, quân sư Khổng Minh, gặp buổi nguy cấp, binh của Tư Mã Ý kéo rần rần, mà trong thành, không người chống ché, cho nên Khổng Minh bày ra "*không thành kế*" - sai quân mở hoắc cửa thành, không một binh tướng canh giữ, chỉ thấy một tên lính cầm chổi quét sớ sịa trước sân... Lúc tôi còn học trường tỉnh Sóc Trăng, khoảng 1918 - 19, hát cải lương đang hình thành ở hạt Mỹ Tho, tôi không nhớ ắt, gánh Nam Đồng Bang, hoặc gánh thầy Nam Tú, đang phong trào ở Sài Gòn "*tẩy chay China*", khách buôn Nam tranh mở quán tiệm dành mồi với người Tàu, cùng một lúc, tôi ở Sóc Trăng, đêm nào cũng chạy trên đê đi coi gánh hát Tiều (Triều Châu), lúc ấy có đến ba gánh lớn, gánh ở Long Xuyên, Châu Đốc, sơn thùng đựng y phục đồ nghề màu đỏ, xưng là "Àng lán", (àng là hồng, màu đỏ, lán là vừa, thùng, rương); gánh ở Trà Vinh, thùng màu xanh, xưng "Xe lán (xe: thanh); còn tại Sóc Trăng, có gánh, thùng sơn đen, xưng "Ô lán", (Ô, Xe, Áng, đều là Thiên Địa Hội màu cờ đen, cờ xanh, cờ đỏ trá hình. Cả ba gánh đều thiện nghệ, thường diễn tuồng "*không thành kế*" linh (động lắm, nay tôi không dám chắc bài đờn "*Khổng Minh tọa lâu*" tác giả chính là ai, duy tôi nhớ mại mại thuở ấy, trong đám thầy tuồng, có ông Nguyễn Trọng Quyền, viết tuồng cho gánh bà Bảy Phùng Há, và ông Trương Duy Toàn (hiệu là Mạnh Tự), hình như ông này có dựa theo bản "*Khổng Minh tọa lâu*" của hát Tiều (tôi nhớ câu đờn đầu bài: "Túng lừng, từng tưng", vồn vện mỗi câu có bốn chữ như vậy, mà ở Mỹ Tho để ra bài:

Bài số 1 (đờn và hát):

"*Kể Khổng Minh cao*

Tư Mã Ý nghi (câu này hát hai lần, bis)

Bốn cửa thành đều mở cửa ra (bis)

Tư Mã Ý đến, chẳng dám vào thành (bis)

Đồn binh ngoài hạ trại vừa xong (bis)

Lòng nghi ngại, rút binh trở lại (bis)

Về nửa đường, xảy gặp Triệu Vân (bis)

Tư Mã Ý hết hồn!"

Vì bài đờn quá vắn, câu hát phải nhồi đi nhồi lại (bis) và đó là nhại thẳng câm Tiểu quét chổi mời Tư Mã vào thành, trong khi quân sư Khổng Minh ung dung một mình ngồi đàn trên mặt thành bỏ trống.

Bài số hai nhan là *"Bánh tôm khô chiên"* nhại theo điệu *"Kể Khổng Minh cao"*. Nhắc lại năm 1918, trận Âu Châu đệ nhứt thế chiến vừa dứt, tại Sài Gòn xảy ra phong trào *"tẩy chay China"*, bản hát Tây Madelon và Marseillaise thịnh hành, người Nam vịn theo bài hát ấy, hát *"Đồng lòng cùng nhau ai nay"* (điệu Marseillair) hoặc *"Đồng lòng cùng nhau, Tẩy chay China"* (điệu Madelon). Trong lúc ấy tại tỉnh Mỹ Tho, lại có bản *"Bánh tôm khô chiên"*, tôi chỉ nhớ mấy câu đầu, mấy câu sau tôi quên mất, và hát như vậy:

"Bánh tôm khô chiên

Dầu chà quấy chiên

(Hai câu hát lặp lại hai lần, thiên hạ cười rần).

Nó là đồ các chú đem qua!"

(Thiên hạ cười bể rọp)

Bao nhiêu ấy đủ ăn khách, nhất là khi kếp Ba Du hát, vừa duyên dáng chọc cười, vừa thỏa lòng khán giả và thính giả có mặt tại rạp hôm ấy. Kếp Ba Du sau đó lên đường ra Bắc tập kết, câu hát còn lại, đánh dấu một phong trào bông bột toan cỡi ách Pháp, nhưng mượn tuồng tích Tàu để tránh mắt tai bọn cú nịnh Tây, và tôi xin giải thích: đời Tống bên Trung Quốc bị binh Phiên Ngột Truật kéo qua cướp nước, vì Tần Cối (thừa tướng) nghe lời vợ là Vương Thị, cả hai theo Phiên, sàm tấu với vua Tống, ám hại tướng tài Nhạc Phi. Phi bị giết, nhà Tống mất đất phương Bắc chạy về phương Nam, dân chúng phần uất thì đã quá muộn, nên bày ra chiên dầu vợ chồng Tần Cối cho đỡ bức tức, và câu hát đúng là: *"Du tạc Cối"* (*"du"* là đậu phộng *"tạc"* là đục gỗ, hiểu ở đây là chiên... và cái bánh hai miếng bột mì chiên cặp, tượng trưng cho vợ chồng Cối... Cho đến ngày nay, hát trại và sai, nghe là *"dầu chà quấy"* (quả) (du tạc quấy), và ngày nay nhiều người sáng điểm tâm "Du tạc Cối mà nào ngờ! Ấy đó từ *"Không thành kế"*, *"Kể Khổng Minh cao"* mà trở nên *"Bánh tôm khô chiên"*, nó *"là đồ bên Tàu, các chú đem qua..."*, lòng dân, ý dân, đời nào như đời nầy, xưa như nay, phải chiều lòng dân thì mới được yên, mà trong này nào có nói bài hát *"Kể Khổng Minh..."* và bài *"Tôm khô Chiên"* là đã có từ đời Tam Quốc!

Bài *"nước non ngàn dặm ra đi"* nên nói "thật lòng Công Chúa Huyền Trân" hơn là "do Huyền Trân sáng tác".

Sự thật về thầy Huyền Trang

Mọi người Việt Nam chúng ta, ai ai cũng đã từng được nghe kể lại, hoặc đọc truyện Ông Đường Tam Tạng đi Tây phương thỉnh kinh trong truyện Tây Du Ký Diễn Nghĩa. Trong lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc, bộ Tây Du Ký Diễn Nghĩa có cái đặc điểm ngộ nghĩnh là trẻ nhỏ đọc thì mê theo trẻ nhỏ; người lớn đọc thì lại say sưa theo người lớn. Trẻ nhỏ thì thích Tây du diễn nghĩa thần thông quảng đại, có bảy mươi hai phép biến hóa, Có Trư Bát giới chọc cười duyên dáng Còn người lớn thì say mê vì những ý nghĩa thâm trầm, trào lộng. So với các bộ tiểu thuyết danh tiếng khác như Hồng Lâu Mộng, Thủy Hử v.v... phạm vi phổ biến của Tây Du diễn nghĩa còn rộng hơn nhiều. Căn cứ theo bộ truyện Tây du diễn nghĩa, thì thầy trò Tam tạng gồm bốn người (Tam tạng, Ngộ không, Ngộ năng, Ngộ tịnh) và một con ngựa (bạch mã) tướng tinh là rồng mắc đạo. Cả đoàn đi qua Tây phương rồng rã 14 năm trời, khi thỉnh được kinh trở về có tám vị Kim Cang đẳng vâng theo hộ tống đưa về Trường an, vừa khừ hồi trở lại Tây phương cõi Phật chỉ mất có tám ngày vắng phần. Truyện kể bốn thầy trò và một ngựa ngày đêm vượt rừng trèo núi, gặp yêu đẹp yêu, gặp phước làm phước, gian nan không sòn, tử sanh chẳng nệ, trải qua tám mươi mốt nạn lớn,

nào là Bàn Ty động quyền rũ, nào là Hỏa diệm sơn đỏ rực, Tiểu lõi kinh khủng v.v... mới đến được Tây phương.

Trong truyện vì làm việc của Tam Tạng là khó, không ai làm được, nên muốn cho dân chúng dễ tin, phải thêm thắt và thi vị hóa cuộc hành trình bằng bao nhiêu yêu tinh đón đường, lớp đòi ăn thịt Đường Tăng, lớp cám dỗ (chuyện bảy con nhện cỡi trườn tắm sông có Bát giới tắm hùa, còn khêu gợi gấp mấy chuyện ngày nay in hình khiêu dâm). Thực sự, Tây du diễn nghĩa là một bộ truyện thần thoại, hầu hết sự kiện, tình tiết đều là bịa đặt.

Nhưng chuyện thầy Trần Huyền Trang (Tam Tạng) đi từ Đông Độ qua thỉnh Kinh Tây Phương lại là chuyện lịch sử có thật. Trần Huyền Trang là một nhân vật có thật trong lịch sử nhà Đường. Ông tên thật là Trần Vỹ, sanh vào năm thứ 16 đời Tùy Văn Đế Dương Kiên (596 sau TL) tại huyện Câu Thi (hiện là Huyện Yên Sư) Tỉnh Hà Nam. Và chuyện thỉnh kinh Tây Phương cũng là chuyện có thật, đã được chính Huyền Trang thuật lại rất cặn kẽ trong bộ "Đại Đường Tây Vực Ký". Thầy chính là một nhân vật sống đã vào lịch sử một cách vinh quang. Thầy từng làm tôi cho vua Đường Thái Tôn (Lý Thế Dân) là bậc minh quân đem lại hiển vinh cho lịch sử Trung Quốc.

Sự thực thầy Huyền Trang chỉ đi một mình, cỡi một con ngựa già làm chân. Ông đi và ở suốt 17 năm bên Tây phương, gồm 2 năm đi, 2 năm về và 13 năm ở lại du học tại Ấn Độ. Đi từ năm 629 mãi đến năm 645 (sau TL) mới về đến thành Trường an (Trung quốc). Tính ra Huyền Trang đã rời Đại Đường đến 17 năm, đi trên năm vạn dặm đường, qua 128 quốc gia lớn nhỏ. Khi về, ông đã mang về:

- 150 Xá Lợi tử (Tinh cốt của Như Lai).
- 2 tượng Phật gỗ đàn tô ngân cao 4 thước
- 3 Tượng Phật bằng đàn hương : Cao 3th5, 2th9, 2th3
- 657 bộ Kinh, chia làm 520 hiệp
- Cùng một số bảo vật khác nữa. và phải dùng voi, lạc đà và 24 ngựa mới chở hết.

Trên thực tế, đường đi không có gặp yêu tinh cản trở (có chăng là bọn mọi dữ thích ăn thịt người) nhưng những khó khăn trở ngại cản trở lẫn vật chất và tinh thần lại hết sức nhiều và lớn, nếu là người khác ắt vô phương vượt khỏi. Có lúc Thầy Huyền Trang nhìn đói nhìn khát suốt bảy tám ngày ròng rã giữa một trắng sa mạc trời nắng chang chang, không một bóng cây, cũng không một bóng người qua lại. Nhưng ý chí của Thầy thật là sắt đá. Có lần đói khát khổ quá, bụng tính quay trở về phía đông để tìm chỗ xin nước uống đem theo rồi sẽ đi nữa, nhưng vừa quay ngựa trở về hướng đông đi đặng một đổi đường thầy lại tự nhủ: "Trước kia, đã thề nếu qua không đến Ấn Độ, quyết không trở về Đông một bước. Nay thà đi về hướng Tây mà chết, chớ lẽ nào đi về Đông để sống hèn".

Một lần khác, thầy gặp bọn mọi ăn thịt người (Tức bọn yêu tinh kể trong truyện Tây Du). Thầy Tam Tạng sẵn lòng hiến thân cho bọn quỷ khát máu ấy. Nhưng giữa lúc bàn tính, xảy có mưa to sét lớn. Bọn người rừng kinh sợ vì cho rằng trời không bằng lòng. Chúng lật đặt giục thầy lên đường, nhưng thầy khẳng khẳng một mực nài bọn kia: hoặc hãy "ăn thịt Thầy" nếu quả thật thầy có phép làm cho bọn nó sống lâu muôn tuổi, hoặc nếu bọn chúng muốn cho thầy lên đường thì phải ăn năn sám hối, chừa thú tánh, chừa ăn thịt người từ đây. Và rốt cuộc Tam Tạng cải hóa được bọn chúng. Hơn một ngàn ba trăm năm trước đây dám một người một ngựa vượt suối trèo non, băng sa mạc, càn rừng sâu đi đến xứ Ấn Độ huyền bí xa xăm, Trần Huyền Trang quả là một nhà du thám vĩ đại trong lịch sử. Kỳ công đó, tinh thần nghị lực đó, người đời sau không thể không nghiêng mình bái phục. Trong thời gian mười ba năm lưu trú tại Ấn độ, thầy đi viếng hầu hết các di tích của đạo

Phật, đặc biệt nhất là thầy ở lại chùa Na Lan Đà, học đạo trong sáu năm. Tất cả những kinh điển của phái Đại Thừa, Tiểu Thừa, Kinh Phệ đà (Veda), các sách thuốc, sách thiên văn, địa lý, kỹ thuật v.v... đều tập trung tại chùa này. Chùa do pháp sư Giới Hiền chủ trì và pháp sư có đến trên mười ngàn tín đồ theo học đạo.

Sau sáu năm học tập, Huyền Trang trở nên một trong ba người học trò giỏi nhất của vị cao tăng Giới Hiền. Theo sách khảo cứu Pháp văn, chẳng những là một nhà sư đạo đức, Huyền Trang còn tỏ ra là một học giả uyên thâm, một nhà du thám kỳ tài, một nhà sử học uyên bác, một nhà địa lý học chơn tài, một nhà ngôn ngữ học xuất chúng, nhất là một nhà phiên dịch giỏi không ai bằng. Lúc còn ở Tây Phương, đi đến đâu, thầy cũng nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình từng địa phương. Khi về Trường an, thầy viết lại thành bộ Đại Đường Tây Vực Ký, gồm 12 quyển, trong ấy ghi lại đầy đủ lịch sử, địa lý, phong tục, tập quán v.v. của 128 nước đã trải qua hoặc từng trú ngụ. Ngày nay, những tài liệu của Thầy để lại vẫn còn giúp ích rất nhiều cho các chuyên gia khảo cổ Ấn Độ và bất kỳ ai ngày nay cũng công nhận những điều nghe thấy và ghi chép của Thầy Huyền Trang rất là đích xác. Từ ngày về Trường an, thầy Huyền Trang bắt tay vào công việc phiên dịch. Suốt mười chín năm ròng rã (từ 645-644) thầy dịch được tất cả bảy mươi lăm bộ kinh, gần một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển từ Phạn tự dịch qua Hán tự và một bộ (Đạo đức Kinh) và một bản dịch "Đại Thừa khởi tín luận" từ chữ Hán ra chữ Phạn, cùng để lại cho đời một bộ "Đại Đường Tây Vực ký" .

Trưa ngày mùng 5 tháng 2 năm 664, Thầy Huyền Trang gác bút nghìn thu tại chùa Ngọc Hoa, vì bệnh hoạn và già yếu. Thọ 69 tuổi. Ngày 14 tháng 4 thi hài Huyền Trang được an táng tại Bạch Lộc Nguyên. Ngày cử hành tang lễ có đến một triệu người ở Trường An và các vùng lân cận qui tụ để tiễn chân thầy về nơi Cực Lạc. Đám tang xong, có đến ba vạn người cất lều cư tang gần mộ phần. Từ xưa đến nay chưa có vị đế vương nào được ngưỡng mộ sùng bái bằng vị Thánh Tăng có một không hai này.

(Trích "Con ngựa già của Đường Tam Tạng")

Vương Hồng Sển (1902-1996), lịch sử nhân văn miền Nam Viên Linh

Mỗi lần nhắc đến nhà cổ ngoạn Vương Hồng Sển tôi lại nhớ tới di chúc của cụ - cống hiến nhà nước toàn bộ Phủ Văn Đường, ngôi nhà to lớn ở quận Bình Thạnh, Gia Định (một viện khảo cổ và thư viện tư lớn nhất ở Việt Nam), nhưng phải lo chỗ ở cho con trai cụ, và không được di dời các thứ ở bên trong (hơn 800 cổ vật có danh sách) - mộng của cụ là nơi đó sẽ trở thành một viện bảo tàng, nơi cụ sống cả đời và gom góp cả đời biết bao quý vật, kể cả chiếc giường của Dương Quý Phi đời nhà Đường bên Tàu (thế kỷ VII-VIII), và các đồ sứ đời Tống (thế kỷ X-XIII), không kể vô vàn những di vật lịch sử của Việt Nam, của miền Nam, của tác giả những "Thú Chơi Sách, 1 và 2, 1960", "Sài gòn Năm Xưa, 1962", "Sài Gòn Tả Pí Lù," của lịch sử "Năm Mươi Năm Cải Lương, 1968" của "Hơn Nửa Đời Hư" [!], cuốn hồi ký của cụ Vương.

Hơn 15 năm sau khi cụ Vương qua đời, ngôi nhà của cụ nghe nói nay sắp sụp đổ, nó không được biến thành viện bảo tàng, đồ vật bên trong đã phát tán gần hết, không biết đi những đâu, con trai cụ đã chết, và tin mới nhất người viết nghe được trong tháng qua, là cái viện bảo tàng cụ Vương mong ước nay là nơi bán hủ tiếu, hay phở, hay đủ thứ, và bên trong đã bị/được chiếm ngụ bởi ít ra là 15 hộ khẩu khác nhau.

Vương Hồng Sển trước sau là một tác giả lớn của miền Nam, người Sa Đéc, sống và viết ở Sài Gòn, những gì cụ viết ra là đời sống của cụ, là lịch sử biên niên từ nhỏ tới lớn, tới khi qua đời, và về những gì cụ thấy, trước và sau cuốn sách, đó là lịch sử của một nền văn hóa nhân văn được viết lại bởi một tấm lòng chân thành, đơn giản, với kinh nghiệm thực tế “điền dã,” và với tâm tình ưu ái về các thế hệ sau, và vì không phải một thương gia, một chính ủy, một nhà cai trị, mà thông suốt cuộc đời sống với sách vở quý, với mỹ thuật nghìn đời, vừa chơi sách chơi cổ ngoạn vừa viết sách và thu thập bảo trì, nên lịch sử đời Vương Hồng Sển là lịch sử nhân văn Sài Gòn, lịch sử nhân văn miền Nam.

Theo phỏng vấn của Nguyễn Ngu Í, họ Vương có gốc gác ở Phúc Kiến Trung Hoa, tổ tiên di cư qua Sóc Trăng, sinh ông ở đây vào năm 1902, nhưng khi làm khai sinh rút đi hai tuổi, thành 1904, và tên ông viết là Vương Hồng Thịnh, song khi phát âm, nhân viên hộ tịch nghe ra là Sển, hóa thành cái tên đó suốt đời. Ông bà nội là Hoa Việt, cha ông lai Hoa Việt, lấy vợ Miên, nên trong dòng máu ông có cả ba chủng tộc, là Hoa Việt Miên.

Họ Vương con nhà khá giả, lên Sài Gòn học trường Tây Chasseloup-Laubat, trở thành công chức trường Kỹ Thuật Á Châu ở Sài Gòn, rồi làm chánh thông ngôn hành chánh. Ông làm việc như một công chức chính ngạch ở các tòa tỉnh Cần Thơ, Sa Đéc, trở thành một công tử hào hoa, ưa hát xướng, trọng mỹ thuật, cổ ngoạn, mua sắm ê hề, riết rồi trở thành nhân viên Viện Bảo Tàng Sài Gòn. Cô đào sân khấu Năm Sa Đéc khét tiếng chính là bà Vương Hồng Sển. Trước năm 1963, ông trở thành giám đốc Viện Bảo Tàng thủ đô Sài Gòn, và về hưu với chức vị này. Những tác phẩm của Vương Hồng Sển thấm đượm cuộc sống thật của ông, được viết ra với văn phong sinh hoạt, trở nên linh động nhờ đối thoại (vì sinh hoạt là trao đổi, đối thoại), khác hẳn với những cuốn sách cùng đề tài, viết bởi các nhà biên khảo, hay những con một sách. Đọc văn Vương Hồng Sển người ta tưởng mình đang nghe ông nói chuyện, cùng lời pha trò và những tiếng cười. Nhịp sống miền Nam, nhất là Sài Gòn, là nhịp sống của một xã hội cởi mở (xã hội nào có hải cảng mở ra đại dương phần lớn là xã hội cởi mở, vì nó tứ chiếng (bốn phương, bốn hướng tụ vào). Sài Gòn tiền chiến là một Sài Gòn xa hoa, phong phú, làm một ngày ăn một tuần, luôn luôn vang tiếng cười và tiếng senh phách, và tiếng xe tàu ròn rã. Có thể từ đó hình dung ra văn chương Vương Hồng Sển, ở mọi chủ đề: Ngoài mấy cuốn đã kể ở trên, còn có: Phong Lưu Cũ Mới (1970), Thú Chơi Cổ Ngoạn (1971), Khảo Về Đồ Sứ Cổ Trung Hoa (1972), Cuốn Sổ Tay Của Người Chơi Cổ Ngoạn (1972), Hơn Nửa Đời Hư (1992), Nửa Đời Còn Lại (1995)...

Người viết bài này có dịp phỏng vấn Vương Hồng Sển về một đề tài do mình chọn rồi đem hỏi ông, và một dịp khác quý báu hơn, trải qua nửa ngày với ba bậc đàn anh trong giới văn nghệ là Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Vỹ, và cao tuổi nhất, Vương Hồng Sển, nơi một ngôi chùa đã được liệt kê vào danh lam thắng cảnh của thủ đô đất nước Cộng Hòa: Phụng Sơn Tự. Để tưởng nhớ cụ Vương, vào ngày kỵ 9 tháng 12 năm nay, 16 năm sau khi cụ qua đời (9 tháng 12, 1996) mà di chúc bị phản bội, xin mời quý độc giả đọc đoạn văn sau đây, tôi viết từ 1999:

Hình như do cụ Vương Hồng Sển mà chúng tôi đã trải qua nửa ngày với nhau tại Phụng Sơn Tự, ngôi chùa cổ khoảng 200 năm, ngay tại cuối đường Lý Thái Tổ (hay Trần Quốc Toản), trong Chợ Lớn. Đầu như năm 1970. Có mặt hôm đó, từ sáng tới chiều, là các anh Nguyễn Vỹ, Vũ Hoàng Chương, và một hai người nữa lớp tuổi tôi, lớp tuổi mà nếu không sinh hoạt với thơ văn, tôi đã không thể gọi những người đó bằng anh, xưng tôi, như tôi đã gọi. Cụ Vương, anh Nguyễn, anh Vũ nay đã không còn. Cái còn, trong nhí nhớ mờ mịt nổi trôi, là một ngày ngược về lịch sử, ngửa cổ nhìn những tầng cổ thụ bao la cao vút, thân mộc sần sùi nứt nẻ, lắng nghe một cánh phượng hoàng đáp xuống nóc chùa, và giọng tâm sự của anh Vũ Hoàng Chương.

Cụ Vương chỉ con lạch sau chùa, khuất lấp dưới những tàng cây, con lạch biến Phụng Sơn Tự thành một hòn đảo đối với khoảng đất phía bên kia, nói:

“Dáng chừng là cái chỗ kia đó mà Nguyễn Ánh lội qua chớ còn chỗ nào cà?”

Cụ kể chúng tôi nghe về bước đường bôn tẩu của người sau này trở thành Thái tổ nhà Nguyễn, Vua Gia Long. Ông ta chạy qua ngôi chùa này, vượt con lạch kia, rồi chạy tuốt luốt xuống miền Lục tỉnh.

“Hồi đó chùa chưa có tên là Phụng Sơn Tự. Cũng chưa lớn như bây giờ. Những người nhiều chuyện thì nói rằng một hôm có con chim phượng hoàng nghỉ cánh đáp xuống nóc chùa, nên chùa mới có tên là Phụng Sơn Tự. Phụng là phượng. Sơn Tự là ngôi chùa trên ngọn đồi này,” cụ Vương nói.

Nhưng mà theo tôi, Hoàng đế là con Phụng đó. Người ta đổi tên chùa là Phụng Sơn Tự để ghi nhớ rằng Vua Gia Long đã từng đặt chân qua đây, trên đường bôn tẩu.

Chép lại đoạn văn và tưởng lại người xưa, người viết hình dung ra một tác giả tiền bối, và với cụ Vương, ở gần cụ nửa ngày, tôi được biết thêm nhiều, và sau này còn tới gặp cụ nữa. Một khoảnh khắc qua, có lịch sử đổi dời, và 16 năm đã qua, mọi sự đang trở thành bùn đất.

(VL - viết để nhớ chủ nhân Phủ Văn Đường, viện khảo cổ và thư viện đã biến thành quán hủ tiếu vào thế kỷ XXI. 5 tháng 12, 2012)

Phù dung ảo mộng

Ông Vương Hồng Sển là một nhà khảo cổ, một người chơi cổ ngoạn, thời Việt Nam Cộng Hòa từng làm giám đốc Viện Bảo Tàng tại Sài Gòn, giảng dạy tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Huế, là tác giả các cuốn sách nhiều người biết đến như *Sài Gòn Năm Xưa*, *Thú Chơi Sách*, *Thú Chơi Cổ Ngoạn* v.v... cùng nhiều cuốn khảo về đồ cổ. Gần đây, vào năm 1995, một cuốn sách mới viết của ông đã được xuất bản ở hải ngoại, đó là cuốn *Hơn Nửa Đời Hư*.

Là một người say mê môn chơi cổ ngoạn từ khi còn trẻ, những bộ sưu tập đồ cổ của cụ Vương là cả một bảo tàng quý giá.

Trong suốt cuộc đời dài của ông, ông Vương Hồng Sển đã đóng vai trò một nhà văn hóa khi ông say mê sưu tầm và nghiên cứu về đồ cổ, viết sách làm sống lại giá trị những gì đã qua, và truyền đạt cho các thế hệ sau mình những gì hay đẹp của quá khứ dân tộc qua môn Văn Minh Việt Nam mà ông giảng dạy.

Học giả Vương Hồng Sển qua đời lúc 8 giờ 35 sáng ngày 9 tháng Mười Hai 1996 tại nhà riêng của ông ở Gia Định, hưởng thọ 94 tuổi.

"Dấu ngòi cửa sổ chạm rồng, màn loan chiếu phụng không chồng cũng hư!"

"Một ngày đưa được thuyền rồng, còn hơn một kiếp nằm trong thuyền chài".

Nhưng tuy vẫn nằm thuyền chài, nhưng hạnh phúc tràn trề, còn hơn lắm ai, hoa thãi ong thừa, phòng không vắng bạn, thiếu thứ bóng mặt trời rọi ấm.

Ngày xưa vua là bậc chí tôn, như thần như thánh, già cúp cũng mặc, lấy được chồng vua là sang, xưa là một gạch thiêng liêng nói liền ba mối: chữ là Thiên, Địa, Nhân, nôm na là ba giềng: Trời Đất và Con người.

Nhưng từ phương Tây nhiễm qua, lây tư tưởng khoa học, ông vua đã mất địa vị là thần là thánh, tuột xuống vẫn là người như ai, nhất là như vua gần đây xứ mình, vua ăn lương do chánh phủ đô hộ Pháp cung cấp, còn gì thể thống.

Hôm nay tôi xin kể lại đây, đăng vào tạp chí mỏng *Bách khoa Văn học* đầu năm Nhâm Thân 1992, vài mẩu chuyện cũ xì, nhưng có thật, duy mỗi người nghe biết một cách khác.

Quả trên đời, không có gì là vĩnh viễn, thấy đó rồi mất đó. Tôi nào dám tự khoai vò mình củ, chút diễm phúc nhớ lại, cứ tự tiện ba ngày xuân mới, chép lại nghe chơi:

Như vào năm 1963 (*Nhâm Dần*) mới đây đã gần ba mươi năm mau quá, thỉnh thoảng thỉnh không, tôi được chánh phủ Pháp mời qua viếng gọi là cho có dịp học bổ túc khoa bảo tàng (*bảo quản cổ vật sưu tầm*), trong hai tháng, tháng 5 và tháng 6, xuân hòa đầm ấm, cho vé máy bay khứ hồi, vừa cho thêm tiền dẫn túi, ba ngàn quan nặng (3.000 Fr.) sướng quá và chu đáo quá.

Một diễm phúc thứ hai là cũng năm 1963 ấy, vào tháng 10 dương lịch, tôi lại được chánh phủ Đài Loan, nhờ ông cố phó tổng thống Trần Thành, sang đây, đến viếng viện bảo tàng trong vườn thảo cầm rồi mời tôi qua đó cho biết chút nào là "*bác vật quán Đài Bắc*", và dịp may thứ ba là viện *Foundation Rockefeller* lại ban cấp vé sang đất Hoa Anh Đào một tuần nhứt, để rồi nhờ chuyến từ Đông Kinh trở về xứ, tôi lại được cùng đáp trên một tàu hàng không khổng lồ, cùng một chuyến với đại tướng Lê Văn Ty.

Nhờ dịp có một không hai ấy, tôi mới biết và thán kính phục ông tướng tuổi "Ty" xuất thân là một "*chó sói*" đồng tử quân "Bồi Xì Cút" (*boy-scout*) của trào Tây thuở ấy. Ông hiền hậu và khiêm tốn ra mặt, có mấy thuở tôi vì đi vé hạng nhứt, và vì ông thiếu người đồng hành để đàm đạo, nên đã sai tùy viên quan qua mời tôi sang ngồi cùng phòng, được thưởng thức một bữa ăn đặc biệt trên tàu bay, và khi tàu hạ cánh cảng Hồng Kông, tôi xin phép xuống mua một chai rượu Anh quốc, miễn phí đoạn, ông tướng mỉm cười và hứa khi về đến Sài Gòn, ông sẽ biếu một chai Whisky, của dư, vì ông đang mắc bệnh và không dùng rượu mạnh được nữa. Nhưng quả, "Phước không nên đến đôi ba lần" (*Phúc bất trùng lai*), cũng năm 1963 ấy, vừa về đến xứ, thì ông Diệm đã bị lật nhào, cũng vừa khiến bản giao kèo của tôi hết hạn, bộ Giáo Dục không tái lưu dụng tôi nữa, mà tôi cũng không nao núng, vẫn tỉnh phờ, mặc dầu tôi có thể xin tái tuyển được nữa vì ông Nguyễn Ngọc Thơ, vẫn không xa lạ, cùng bạn đi thi chức Huyện năm xưa, (*ông đậu tôi rớt*), và nhứt là với đại tướng Dương Văn Minh, tôi vẫn được gọi là "chú", vừa bạn đồng liêu với Dương Văn Mao, là thân phụ ông Minh, vừa mới đây vẫn còn làm việc chung một bàn, tôi coi về công văn nơi soái - phủ Nam kỳ, và ông Minh, vẫn coi về công văn từ các tỉnh gởi lên, và mỗi tuần nhứt Minh vẫn "*coi tiêm*" cho tôi lên nhảy dù đi xem phim chớp khi rạp *Eden* khi rạp *Casino*, ai nào biết!

Xuân Tân Mùi (1991), thơ mừng Vương lão sư V.H.S. hưởng thượng thọ
*Người ta sáu chục đã tra,
Vương ông thượng thọ vẫn là đường xuân;
Ưa mơn mắt ngời trông con gái,
Thân chữa chồn, sức ngại ngùng chi?
Nhớ xưa ở chốn cung vi,
Nào TÀI, nào TIẾP, nào PHI mấy bà,
Nay chánh thất cũng đã quá vắng,
Chí tang bồng, cụ ruồi cùng ai?
Thức khuya mới biết đêm dài,*

*Nâng khăn sửa túi, cậy ai giúp mình?
Thi có đủ, cái tình e thiếu,
Cháu con đâu có hiểu cho mình!
Ông già tóc bạc mắt xanh,
Vẫn yêu như thuở sóng tình đang dâng.
Trăm năm trong cõi hồng trần.*

Cao Sơn

Tiệc khao bước qua 91 tuổi, ngày 27 th. 9 âm lịch Tân Mùi (2 décembre 1991). Năm 1991, định không ăn khao Thượng thọ 91, vì một bạn thân, anh Khai Trí Nguyễn Hùng Trương, đã sang Mỹ quốc, và lại nhà đơn chiếc, nhưng bạn nhỏ Cao Sơn đem về nhà đãi, nhờ vậy làm quen được hai bạn mới, là ông bố vợ của chủ gia và một hoàng thân đất Thần kinh là cụ Ứng Lang. Cao Sơn sau đó gởi tám câu Đường luật:

*Kính mừng Vân Đường lão sư "Thượng thượng thọ":
Tiệc Thọ năm nay vắng mấy người,
Vui mừng gặp gỡ Cụ còn tươi;
Tuyết sương thấm đượm màu râu tóc,
Phiền não nhạt phai giọng nói cười.
Sa Đéc mơ màng tình gọi gió,
Vân Đường quanh vắng bóng trên người;
Ơn trời cho hưởng tròn mười kỷ,
Chép để ngàn thu chuyện đời đời.*

Nov. 91, Cao Sơn

Tuy đã hết thích làm thi, cũng phải nói điều, và phụng họa y vận:
*Chín mốt năm mùi vắng bốn người,
Phùng xuân khô mộc vẫn xanh tươi;
Sá chi mưa gió sương và tóc,
Bao quản trần ai khóc với cười.
Đổi hộ môn đăng, đăng trước gió,
Cách liêm hoa ảnh, ảnh trong người.
Tiếng đâu lạnh lớt? Chào ông Noễn (Noel),
Vừa thấy đồng chinh, bóng lại đời!*
V.H.S.

Đầu xuân Nhâm thân (1992), báo bán Tết nhiều như năm đầu mùa mưa, thấy trong tờ *Thời Nay* nơi trang 105, ba bài luật Đường của ba bạn quen là:

1. Còn sống còn vui

*Riêng tớ nay ngoài sáu chục xuân,
Ba chìm bảy nổi đã bao lần
Vẫn chương nặng nghiệp còn đeo đuổi
Danh lợi phù du mãi đứng dừng
Tóc trắng há quên người tri kỷ
Mắt mờ chưa dứt chuyện nghĩa nhân
Cuộc đời có lắm trò dâu bể
Còn sống còn vui đến thập tuần.*
Minh Quân

2. Thập tuần

*Thắng canh tâm sự * sáu mươi xuân
Gió Núi ** vẫn xoay cũng lắm lần
Hoạn nạn tìm đâu ra quyến thuộc
Tiệc mừng chỉ thấy rặt người dưng
Vạc dầu nào gặp ai tri kỷ
Mòn mắt chưa hề được nghĩa nhân
Quảng gánh lo đi vui cuộc sống
Chúc anh còn thọ đến thập tuần.
Lê Phương Chi*

* Tựa đề một bài thơ của Phong Sơn.

** Phong Sơn nghĩa là Gió Núi.

3.

*Sáu mươi, nhưng đáng vẫn còn xuân
Xuống ngựa lên voi biết mấy lần
Mỹ nữ hẹn hò ha hủ hủ
Tứ thần dọ dẫm dững dưng dưng
Vớ trò, đúng mực nhờ mô phạm
Cùng vợ, ra tuồng bậc triết nhân
Xa chuyện bể dâu, gần đảo tể
Mừng anh xin chúc rượu ba tuần.
Châu Anh Phụng*

4.

Tôi vốn thơ như cơm nếp nát, nhưng ngựa ngáy, cũng nổi vằn ba bận trên đây, gọi chúc mừng muộn Năm Mới, và họa lại như vầy:

Tân Mùi thượng thượng chín mươi xuân,
Nhiều tuổi nhục nhiều, bộn bộn lần.
Việc nước, Đảng lo, Dân khỏi nhọc,
Việc nhà, ai nấy thấy dưng dưng.
Thơ giòn, cười lớn, thơ bà Phụng,
Văn khéo ngâm chơi, văn chị Quân.
Hạnh ngộ tao phùng thập niên hậu,
Trường sanh bá tuế, kỷ hà tuần?
Vương Hồng Sển, mars 92.

**Cuối năm Tân Mùi (1991), tổng luận
(viết ngày 22-12-1991)**

Năm Mùi sắp dứt, Tết Nhâm thân đã lộ dạng, vừa rồi, đêm 21 décembre, khi thức giấc, bỗng thấy nơi kệ treo vách chứa bộ môn "*bình vôi*", thấy trống nhiều chỗ, nhìn kỹ lại, rõ ràng đã mất trộm thêm một mớ bình vôi còn sót do kẻ trộm bỏ lại, và nay đã biến mất, chỉ tro trên lơ thơ tám bình vôi đất mà kẻ lấy cắp có lẽ cho là vô giá trị, nên chừa lại, và rất may trong số bỏ lại ấy vẫn còn một bình vôi đời Tống (*bạch định, rất quý*) và một bình vôi sứ, vẽ "*sen le*" đời Tự Đức, thôi thì tự an ủi, và ngụ ý viết ra bài này:

"Tôi bị người nuôi trong nhà, lấy trộm một mớ đồ cổ ngoạn", tôi đã buồn rầu kiểm kê tài sản rồi cũng bỏ xuôi cho êm chuyện, nào ngờ nay lại thấy nhà giữ kỷ, cửa nẻo không sơ hở, thế mà một số đồ vật sưu tầm, tự nhiên thấy mất đi một mớ nữa, gần sạch tủ, chỉ còn sót vồn vẹn tám món tầm thường, tôi thêm buồn, lấy sách ra đọc, bỗng gặp bài này, tôi chép y nguyên văn:

"Ngụ đời" (đây là cái tít (titre) tôi chọn), chớ trong sách viết:

Nghĩa vui:

Con người ta ở đời, hãy trải lòng trải dạ ra mà ở cho rộng rãi cái tánh ý mình, lòng dạ mình được mấy năm (*bao lâu*), hay mấy năm (*bấy lâu*) mà thôi; chớ sự sống sự chết không chừng, mình thường thấy trước con mắt mình, cứ tùy theo phận mình cao thì ở cao, tùy theo phận mình thấp thì ở thấp, tùy theo duyên mình tốt xấu mà ở theo cho qua ngày tháng; còn như việc hơn việc thua, hay giỏi thì chớ có tích lòng oán hờn làm chi; mình có mình không cũng đừng có than van nan trách làm chi; là vì sự được giàu mắc nghèo hết thấy là ở tại nơi trời định; cho nên buổi thường mình sống ở đời, mình phải ăn phải mặc phải ở theo cái duyên phận trời cho mình, thì được yên lòng yên trí luôn; hễ thông thả được một ngày, ấy là tiên một ngày đó.

Trương Minh Ký diễn thơ ấy ra nôm như sau này:

"Rộng tánh rộng lòng trải ít năm,
Người còn người mất mắt xem nhàm;
Theo cao theo thấp theo duyên gặp,
Hoặc dở (*vấn*), hoặc hay (*dài*), chớ giận thàm,
Mình có mình không đừng trách móc,
Nhà giàu nhà khó tại trời làm;
Ở đời ăn mặc theo thời vậy,
Một bữa rảnh rang bữa khỏi phàm."

Đó là những gì tôi đọc nơi trang 12 tập số 1, tháng 5 dương lịch 1889 của bộ "*Sự loại thông khảo*" (Miscellanées của Trương Vĩnh Ký), - lòng chưa thỏa mãn, tôi lật sách tiếp, và đọc:

An phận tùy duyên là hơn:

Con người ta ở đời bậc nào bậc nấy cũng như nhau, chỉ có cái ngắn nó khác nhau, tùy phận tùy duyên. Mà "*kỳ chí giả nhứt dĩ*". Biết mà xử thế thì là giỏi, tri mạng mà xông đời, thì là tài. Cứ theo "*tố*" mà làm thì là xong xuôi cả; đã yên lòng mình thì chớ, lại thuận mạng trời. Cho nên cả đời an nhàn vui vẻ thông thả khỏi lúng túng trí khôn, khỏi mệt nhọc thân thể. Vì vậy: "*gia đương thủ phận tùy duyên quá, tiện thị tiêu diêu tự tại tiên*".

Giàu ngày ba bữa, khó ba chiều,
An phận là hơn hết mọi điều;
Khát uống trà mai, hơi ngác ngác.
Nực kẻ hiền trước gió hiu hiu;
Giang sơn tám bức là tranh vẽ,
Hoa thảo bốn mùa, ấy gấm thêu;~
Đồng đánh khuya nằm và sớm thức,
Khác chi dân của thuở Đường Nghiêu.
Hôm mai gió thổi hiu hiu,

Cỏ hoa là bức gấm thêu nên đồ;
Thanh u sẵn cảnh bốn mùa,
Lựa là cứ chốn giang hồ mới vui?
Cảnh ư lâu cũng quen mùi,
Bên song hóng mát ngõ người Bào thi;
Hẹp hòi nào sá quản chi,
Phen thì dậm liễu phen thì ngàn mai.

(Trên đây là trích trong 4 tập

Sự Loại Thông Khảo số 4 tháng 8 năm 1889).

Lòng vẫn còn ám ức, bèn lấy "*Truyện Giải buồn*" bản in lần thứ 5 của Huỳnh Tịnh Của in năm 1911, đã trót trăm năm, gặp chuyện như dưới đây (*nguyên văn*):

Ăn mày xin vàng nén:

Có một người giàu có lớn, mà hà tiện cũng lớn, cứ bo bo giữ của không chịu làm phước cho ai. Có một tên ăn mày tới xin, quyết một nén vàng, người nhà giàu phát giận, nói giá ăn mày dám xin tới vàng nén, biểu đầy tớ đuổi đi. Tên ăn mày la hét không chịu đi, cứ việc ở trước nhà mà xin mãi. Trong nhà không ai thêm nói tới, tên ăn mày sớm đi xin nơi chỗ khác, trưa lại lộn về ở tại nhà giàu mà nài hoài choặng nén vàng.

Nó làm như vậy đãặng ba năm, người nhà giàu thấy nó có công gắng vô, cũng mỗi lòng mà chịu cho. Tên ăn mày được nén vàng, thì làm bộ nhảy nhót mừng rỡ bội phần, liền cởi áo gói lại mà đi. Khi tên ăn mày đi ra một đổi, thì người nhà giàu sai một đứa đầy tớ theo rình coi lão ăn mày đem nén vàng đi đâu, cũng làm chuyện gì với nén vàng. Tên đầy tớ đi theo xa xa, thấy lão ăn mày đi thẳng ra ngoài đồng, tới chỗ bóng mát ngồi xuống mở áo lấy nén vàng dôi lên dôi xuống mà giỡn chơi, coi ra ý mừng rỡ lắm.

Cách một hồi lão ấy buồn ngủ, nằm chèo queo, nén vàng chỉ để trần một bên chỗ ngủ. Đứa đầy tớ nomặng, chờ lão ăn mày ngủ mồn, lén lại lấy nén vàng đem về cho chủ, chủ mừng còn nén vàng, liền đem đi cất. Lão ăn mày thức dậy, thấy mất nén vàng, không thêm tìm kiếm, xăm xăm trở lại nhà giàu mà xin nén khác. Ông nhà giàu nói: "*Mới cho một nén, làm gì hết đi, mà còn xin nữa?*" Lão ăn mày nói: "*Tôi vừa nhắm mắt, nó liền mất đi, nên phải xin ông nén khác*".

Ông nhà giàu nghe nói, dường như ai soi sáng tấm lòng, liền hiểu sự đời, hể con người ta nhắm mắt rồi, thì chẳng còn của cải sự nghiệp gì nữa, mới khẩn nguyện xin táng của cải mà làm phước với thiên hạ, sau nghĩ lại, mới biết người ăn mày ấy là tiên.

(Trang 5 và 6 Chuyện Giải Buồn của Huỳnh Tịnh Của)

LỜI BÀN:

Người đời nay bàn chuyện đời xưa, tôi cho là thừa. Kể sanh sau, đọc lại sách cũ, giỏi chi mà bàn. Tuy vậy, để giải nỗi lòng, cũng xin có mấy lời mạn luận. Phàm đọc sách, phải có trí đủ để chiêm nghiệm:

Trên đây, với mấy chuyện chép lại, một bài là "*Nghĩa vui*", đó là lời một trí thức, già kinh nghiệm, hai ông Trương Vĩnh Ký và Trương Minh Ký đem ý mình diễn ra văn và thơ; kể đến bài về "*An phận tùy duyên*", hai ông họ Trương, sống vào đời ly loạn, binh Tây y mạnh qua chiếm đất, đánh thì không lại, ép phải chung sống và mình triết bảo thân, hai ông giữ được tiếng thơm, đáng làm gương thiên hạ, qua bài thứ ba, đọc văn ông Huỳnh Tịnh Của,

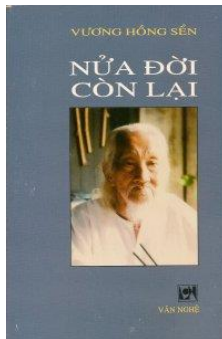
chuyện "ăn mây xin vàng nén", không phải ngẫu nhiên mà quả do sự linh cảm sáng suốt mà gặp, "người nhà giàu dư vàng" có phải tôi chăng?

Tôi mất cổ ngoạn thì tiếc thì than van, xin hỏi từ Chúa Trịnh sắm của quý, qua Bằng quận công cấp vàng nén làm chìm nơi bãi biển, vua Quang Trung được "hóa phẩm" anh em xích mích, vua Gia Long nhờ tuổi trẻ, được hưởng, nhưng chung qui nhà Nguyễn Phước chưa tới hai trăm năm rồi cửa cũng tứ tán, mình là con nhà tay lấm chun bùn, tích trữ bấy lâu chưa phỉ hay sao, có câu "của Tào trã lại âm ty", thanh dạ văn chung phải nhớ. Đọc Tam Quốc Chí, hồi thứ 57, bản dịch Phan Kế Bính, năm 1908 văn ngót trăm năm, khi hồn Quan thánh đòi đầu, sư Phổ Tịnh hỏi: "Vệ chớ đầu Lương, Xử, Hoa Hùng, sáu tướng nơi năm cửa ải, ai đòi, ai trã?"

Đọc qua Tây Du Ký, bản dịch trong Nam, chí đến video nhại đi nhại lại, bốn thầy trò muốn sang sông qua cỗi Tây phương, gặp con quỷ, độ đường, qui vì chứa châu ngọc nhiều nên chưa thành công, khuyên phải mở châu báu ắt mau thành, ngày nay triết lý nhà tu đất Ấn, khuyên vua chúa các vì vương muốn tu cho có kết quả, khuyên phải biết phép "Xả thân cầu đạo" nhưng một vài ông lãnh chúa Ấn, lại hiểu "dân chúng phải nạp trên giá cân số châu ngọc y số nặng của xác mình", làm sao cho thành vì muốn thành mà còn lợi dụng một ông cân bảy tám chục ký, của dân mồ hôi xót mắt từ ly từ phân, làm sao cho đủ, nói thêm nữa là thừa. (Viết trên máy không cần bản giấy, ngày chủ nhật 22-12-1991)

Lâng lâng không làm phước được mà cũng không buồn tiếc của đã mất.

Nửa Đời Còn Lại, p.226



Nxb Văn Nghệ, 1996

Nhớ Tết: Tết Tây và Tết Ta, Tết ơi là Tết

Sanh làm người Việt Nam là người có một diễm phúc không dân nước nào khác có. Tiếc thay cho người Việt Nam không biết tận hưởng. Tỷ như người đạo Hồi (*mahométan*) một ngày phải đọc kinh không biết mấy lần, lại nữa khi giữ đạo kỹ, thì không được ăn thịt con thú nào mà không phải do mình cắt cổ! Như vậy làm sao hưởng bít tết của Tây, làm sao xức mì của Tàu và xoi phở Bắc. Đến như người Việt chúng ta, vẫn hàm bà lằng xán cấu, tức nói ra tiếng Việt là bất luận tất cả những gì trước mắt, (*xán cấu là đánh trống Bắc cấu*). Người phương khác, vẫn câu nệ và không dám thưởng thức món ăn lạ, ăn vào là đau tức thì, trái lại người Việt ta, tôi cho là có một bao tử trời cho, ăn thức gì cũng tiêu hóa ngay như người Việt khi ở Lào ăn mẳm Lào, ăn luôn con gián đất bỏ trong

hũ muối, qua xứ Chùa Tháp, ăn bò hóc và lua bún nấu theo Kơ Me và khen lạ miệng hơn phở nước ta. Như vậy mà miếng còn than nghèo, đúng là nghèo không biết phận và có hạnh phúc trong tay mà không biết hưởng.

Nói về lễ tết, người dân Việt sanh ở trong Nam, có bao nhiêu Tết?

- Theo như tôi hiểu, không thể nói được và không thể kể ra cho hết, vì ta đã có tật ham lấy của người làm ra của mình (*nhứt là trong làng văn*).

- Tết Tây, đã có từ khi Tây qua đây, rồi khi Tây đi rồi, cũng còn nắm nín ăn tết theo họ mà vẫn nói ăn tết mới theo mình!

- Tết ta là tết cũ theo tục lệ ông bà để lại, tôi không cần nói dông dài.

- Tết theo Miên, khi ở xóm Miên hoặc ở gần người Miên, và tiếng Miên: Chôl chnăm, đúng là "*vào năm mới*".

- Rồi người Tàu là người bày ra lễ tiết, từ tiết biền ra tết, và bánh tết, cũng làm bánh tết, về từ này, tôi cũng không dám đi sâu vào, vì dốt và vì còn nhiều người thông thạo hơn nhiều. Vả lại ai đã từng không ăn tết, và mình đây có hơn ai mà dám đại ngôn múa bút. Nhưng đã gần ngày tết đến, và cái già sông sộc theo sau, âu cũng nói về tết chơi để giúp vui ba bữa.

Xin lược bỏ những tết còn đồ lắm lói, những tết mình còn quên cái chi trong giẻ tả, nào có thơm tho gì? Lại những cái tết không tiền, tết thi rớt, tết cháy túi, tết đau ốm, tết chồng một mâm vợ một thúng, tết bị giặc Thổ rượt khi Tây chạy thua (1945/46), cũng không dám nói về tết ở đất Bắc, và chỉ xin nhắc lại nghe chơi những tết vui vui trong này, gọi dăng chút tư liệu xoàng cho những người trên trước. Xét ra chúng tôi ở đất Nam này, còn nhớ thuở xưa trong xứ ít được thái bình lâu dài, cho nên ít trọng về khăn áo và chỉ thích "*ăn và ăn*" vì đãi bạn, mình ăn thì hết, bạn ăn thì còn. Nói về khăn trên đầu đã khác, ngoài kia xếp chữ Nhứt, ở đây xếp chữ "Bát".

Về dọn dẹp nhà cửa, trên kia đào hồng mai trắng, ở đây mai vàng đã là quý nhưng kể về quà tết, thì ở Bắc ở Trung, lễ vật phải có mâm dăng, còn trong này rất xí xóa tay xách cặp gà cặp vịt cho điền chủ, ở đất phên nào có sẵn mâm.

Hiện nay giới cải lương ca hát, đang lâm cảnh vắng khách, tôi xin kể ở Sốc Trăng nhau rún, gánh hát Tiều vào sáng mồng một thường bày đi hát dạo, đờn hổi hả chờ chủ nhà trao gói "*cúng hỉ chào chia*" và đó là cung hỉ tấu thực. Và tại sao ta không diễn trò ấy lại?

Lúc Tây còn ở đây, dịp Tết, chúng thường bày ra trồng cột treo đu bầu, đu tiên, bày trò cạp chảo, nhảy trong bao bố, té đùn cục cho chúng cười và ban tiền thưởng, ngày nay nhớ mà tủi chớ lúc ấy, có tiền là đủ quên mọi việc. Vui nhất là bàn bầu cua cá cạp trái dưới đất, còn người lớn thì thức đêm ba mươi cho tới sáng rằng vừa chơi bài vừa chờ năm mới con thú nào hiện ra.

Năm Tân hợi (1911) ở Sốc Trăng tôi được chứng kiến người Tàu cắt đuôi, bỏ tục thờ ma và mở màn dành tiền làm việc xã hội, khai trường lập nhà thương, nhà dưỡng lão, bằng cơ nay còn đồ sộ nào Nguyễn Trãi, nào Nguyễn Tri Phương, nào nhà nuôi bệnh của bang Quảng Đông, nào nhà từ thiện có hai chữ CHÍNH bút tích do thống chế Tường Giới Thạch đề tặng làm kỷ niệm, họ ở đây làm giàu mà làm như vậy cũng là cách biết ơn và ta chẳng nên và chẳng khá nên quên.

Tục dựng nêu trong này không theo nữa, duy tục mồng năm sau tết cúng cháo cá ám lược nguyên con, phải chăng lấy theo tục vua Lê đãi lính năm xưa?

Giấy tiền vàng bạc đốt cho tổ tiên quá vắng nay cũng đã bớt và đốt rất ít, duy tục đốt pháo, từ Giải phóng vào, sao đốt quá xá, và để chờ xuân giáp tuất 1994 này, đã có 101 khuyên, có giảm được hay chăng. Đồng bào bị lụt lũ, thiên tai sóng thần, kẻ có ăn tưởng nên nhớ người sống hơn ma cổ. Năm 1919-20 tôi gặp trên Sài Gòn phong trào tẩy chay hàng Tàu hàng bombay, và tết năm ấy lân múa thì rất ít múa mừng cho Tàu khách thì nhiều, duy xảy ra chém lộn và từ đây cấm pháo, lân còn món gì để nhớ câu "lân ăn pháo đánh quyền?"

Con cái ngày xưa lấy mừng tuổi cho cha mẹ ông bà, được lì xì (*lợi thời*) chỉ là gói giấy đồ trong có gói một cắt bạc và một xu đồng (0\$11), nay trẻ ít lấy và đòi những bạc ngàn hay mười ngàn, và trẻ lớn trọng lại chưa vừa lòng lại đua đòi sắm xe Honda Hon diếc, xúm nhau làm lếu đi cướp giật đâm chém, xảy ra án mạng, tòa án điên đầu khó xử, xã hội bất ổn và nên trách cha mẹ ham làm giàu đã bỏ lún không dạy con, còn thầy nơi trường vẫn bất lực.

Phong tục ngày càng ngày dễ dãi, cầu thả càng thêm vì gương bắn súng theo kếp Mỹ, hóa ra phát minh video, vân vân, lợi không kịp mối hại càng nhiều.

Những năm 1931, kinh tế khủng hoảng, chủ điền sạt nghiệp, sinh viên đi Pháp bỏ học trở về, ở đây thi đậu tú tài, cử nhơn càng đông, không có chỗ làm sanh ra bất mãn, và trong xứ tỉnh ngộ, chống Tây và lính Nhứt ủa vào, tết nhất mất vui. Năm Giáp thân (1945) cách mạng và Nhứt lật đổ đô hộ Pháp, toàn quyền Decoux vào tù, và từ đó cho đến ngày nay đồng bào có mặt ở đây, tôi có cần gì vô duyên kể lể.

Càng già càng thấy sự tết. Không phải tại sợ chết, ai đâu lại khỏi, duy ngày tết, theo tôi chỉ vui cho tuổi xuân, cho gái ngày nay sắc đẹp trang sức càng tăng, còn già thì phải chạy tiền cho ra cho có để cho cháu con hỷ hạ, nhưng đồng bạc giấy ngày nay nhẹ quá, viết như vậy, may lắm được đôi trăm ngàn, tưởng là nhiều nhưng giá sinh hoạt leo thang vùn vụt, viết mưa máu không đủ ăn, tết ôi là tết!

Theo tôi, cũng nên đơn giản và vì giấy còn thừa xin hỏi "*sao ta có tết quá nhiều*", Noel của Da tô, ăn thịt chó đêm giáng sinh ở Chợ Quán có còn chăng, đèn ngời sao quá nhiều.

Tết Tây rồi qua tết ta, chợ búa giá theo không kịp, cái vui không cần phải đốt pháo chỉ điếc tai và rủi ro còn hỏa hoạn cháy nhà, lúc nhỏ đêm không ngủ được chỉ trông mau sáng để đốt pháo, nay về già chỉ muốn thanh tịnh, ai đốt pháo chỉ trông mau dứt nghe tiếng nổ, pháo ngày nay nổ chát chúa, lại thêm dư thuốc súng nên chế làm lựu đạn, quăng vào sông biển để bắt cá, nhưng quên cái hại cá con cá trứng cũng không còn, ngày mai có cá đâu cho kẻ đến sau? Một câu chúc tết cho vui: một người treo hai câu: "Phú quý năm ni lại tú xuýt (*tout de suite*), đổi lại "Bần cùng năm ngoái phú lai căn" (*foutre le camp*). Một anh khác không chịu thua, chê còn dài, anh viết vồn vện và treo nơi ngạch cửa "Tăng Phú" (*t'en foudre!*). Chúc mừng năm mới (*bonne année* cả làng!)

**Cụ Vương và Khám lớn Sài Gòn
Nhị Linh**



Cụ Vương Hồng Sển, sau cuộc đời rất dài của mình (cụ sống thọ 94 tuổi, qua đời vào năm 1996) đã để lại một số di cảo, làm dày thêm khối lượng trước tác vô cùng phong phú của cụ. Khối lượng tác phẩm ấy lại càng thêm phần trọng lượng (mặc dù cụ từng khiêm tốn mà nói, xưa kia, rằng cụ tự coi mình là “tiểu thuyền” không dám mong đương nổi “trọng tải”) bởi những gì cụ chạm tới đều có một độ nặng thời gian trĩu xuống. Tác phẩm Vương Hồng Sển còn dày thêm một lớp nữa đầy sang trọng với một cuộc đời đã sống âm ập giao du, sự kiện và chi tiết, mà cụ tích tụ lại rồi từ đó tạo thành những sách vở rất hiếm người trên đời có khả năng viết nổi.

Sau “Cuốn sách và tôi”, tập di cảo mà NXB Trẻ in hồi năm ngoái, chủ yếu nói về sách vốn là một mảng quan trọng làm nên sự nghiệp và tên tuổi của Vương Hồng Sển, mới đây một di cảo mới của cụ Vương đã được in, và lần này đi vào một chủ đề khác hẳn: đó là tập “Khám lớn Sài Gòn” (Nhà Nam & NXB Văn hóa-Văn nghệ TP Hồ Chí Minh). Vương Hồng Sển hoàn thành cuốn sách này chỉ vài tháng trước khi qua đời.

Năm 1953, Khám lớn Sài Gòn (Maison Centrale de Saigon), một tòa nhà đẹp nhưng cũng là chốn khủng khiếp từng giam cầm Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm (mà các chí sĩ này từng kể lại trong hồi ký và các bài viết), nơi đặt máy chém (guillotine) từng chém đầu Lý Tự Trọng, đã đi hết chặng đường lịch sử của mình vì có Khám Chí Hòa thay thế. Tòa nhà ở phố La Grandière này bị Nguyễn Văn Lâm, “trào Đốc phủ làm Thủ hiến Nam kỳ” (tr. 20) quyết định phá đi. Từ nơi này rồi sẽ mọc lên Đại học Văn khoa lừng danh.

Vương Hồng Sển là người chứng kiến những thời khắc cuối cùng cuộc tồn tại của Khám lớn Sài Gòn, bởi ông đã xin được phép vào Khám trong thời gian nó bị dân phu phá hủy. Ông nhờ được người bạn Nguyễn Văn Khương mang máy ảnh vào chụp thực địa nơi này. Cụ Vương giữ được bốn mươi bức ảnh để rồi khoảng nửa thế kỷ sau đó, sau khi nhờ mấy học giả khác là Thái Bạch (tác giả cuốn “Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp”) và Bùi Đức Tịnh mà không ai mặn mà với công việc này, cụ đã viết lại lịch sử sự phá hủy tòa nhà Khám lớn, bằng cách bình luận các bức ảnh. Ngoài ra, cụ Vương còn giữ được một số bài thơ viết lên trên vách khám, thực đơn ăn uống ở đây, cũng như các bài báo bằng tiếng Pháp có liên quan tới sự việc. Ai từng biết cách làm việc của cụ Vương đều hay rằng cụ thu thập tư liệu rất “dữ dội”, giữ lại từng mẩu nhỏ với người khác là không mấy quan hệ, để dùng sau này (kể cả khi biết rằng rất có thể mình sẽ chẳng bao giờ dùng tới). Nặng lòng với quá khứ, cụ từng đề đạt với Trương Bửu Lâm (“con cưng” của linh mục Cao Văn Luận thời ấy) giữ lại những gian phòng lớn để sau này có thể dùng làm nơi chứa văn khố hoặc giảng đường (sự việc được kể ở trang 71), nhưng đề nghị của Vương Hồng Sển không được nghe theo.

Đọc Vương Hồng Sển là đọc lại những dấu tích quá khứ được nâng niu theo lối chăm chút đến khó tả. Cụ Vương đã chứng tỏ điều này trong vô số tác phẩm, nhất là bộ “Hiếu cổ đặc

san”, rồi “Sài Gòn năm xưa”, “Phong lưu cũ mới”... Các chi tiết làm nên lối văn Vương Hồng Sển, và cả sự lan man đã trở thành huyền thoại. Rất hiếm ngòi bút nào liên tục cưỡng lại sức tiến lên của độc giả như thế: ta không thể đọc nhanh một cuốn sách của Vương Hồng Sển, cho dù muốn đến đâu. Ở khía cạnh này, trong suốt nhiều năm chỉ có một lối viết tương tự có thể mang ra so sánh, đó là lối viết của sử gia Tạ Chí Đại Trùng.

Ngày nay, cụ Vương đã trở thành một huyền thoại, giống như những huyền thoại cụ từng kể lại và phân tích trong những cuốn sách của mình. Dân sưu tầm sách Việt Nam ai cũng sẽ thấy là một hạnh ngộ to lớn nếu có được một quyển sách từng nằm trong tủ sách của Vương Hồng Sển. “Khám lớn Sài Gòn” cũng là một đóng góp vào sự nhìn lại (một sự nhìn lại đầy hoài nhớ) một Sài Gòn xưa cũ, cái chốn từng có bến Bình Đông, rồi Hành lang Thiên đường (Passage Eden) nhưng giờ cứ ngày một thêm mai một đi mãi.

Những mẫu truyện ngắn

Nhà ai sắm sẵn

Xe tới đường Catinát, đậu lại ngang nhà hàng Continental, chị chủ sự mở bóp-phơi hơi chậm, thầy hội đồng khoát tay giành trả tiền xe song mã, rồi giành mua một cái lô sờ (loge) ba chỗ ngồi thượng hạng. Trong lúc quây phím hát, đèn tắt, thầy hội đồng ngồi trên ghế kế bên tôi in tuồng ngồi trên than lửa đỏ. Tay chực bộ tịch thầy làm làm sao, không lẽ tôi nói ra đây choặng...

Chừng vãn lớp đầu, thầy mời chị em tôi bước qua Đại lục khách sạn (hôtel Continental, lúc đó chỉ tiếp khách Tây và người An nam - phải ăn vận thật sang mới cho vào cửa). Chị chủ sự vui miệng, đặt buổi rượu này là tiệc “bình thủy tương phùng” và buộc phải có sâm banh mới đáng. Thầy hội gọi bồi khui một chai Mum đắt tiền nhất, khi cụng ly thầy ước với tôi rằng:

- Chỗ này đông người, không lẽ, chớ chi tôi với cô cùng uống chung một ly mới toại nguyên
Tôi đáp lại:

- Như ai kia, không dám nói, chớ đừng người đứng đọt như ông, mà cố cập đến phận linh đình như chiếc lá giữa dòng này, thì dầu ông không nói, chớ tôi cũng lo đền ơn nghĩa trả. Ngặt một điều là tôi nay nhà cửa chưa yên, biết có gần gũi ông được nhiều ngày hay chẳng.

Chị chủ sự tiếp lời:

- Có phải bao nhiêu mối tề, một mình anh ôm hết đó phải không? Em tôi đây đã tắt tình nài anh một cái nhà, mà sao tôi coi ý anh còn phân phân bất nhứt! Nè, anh hội đồng, cho tôi hỏi thứ chơi và đừng giận, ghen! Xưa nay nghe tiếng anh xử thế tề gia không sai chạy, mà chuyện này, tôi coi bộ anh hết dám tự chuyên. Hay là anh còn sợ chị ở nhà nghi kỵ?

Ông Phát có hơi mất cỡ, nói đỡ rằng:

- Em chủ sự, biết qua thuở nay lắm chớ? Kia, chuông reo, hãy mau qua xem hát tiếp rồi về nhà sẽ nói chuyện.

Thầy hội lấy khăn choàng lên vai tôi mà nói nhỏ: “Cô chủ sự cổ nói yêu cổ đa!

Madame hãy nhớ cho tôi câu: “Đại trượng phu
tiên trị kỳ gia” đó mà?

Vãn hát, bị mắc mưa. May thời kiếm được một cái, xe kiếng hai ngựa. Thầy hội đồng galăng (galant, thói nịnh đầm), nhường băng sau cho chị chủ sự ngồi, còn tôi và ông Phát, ngồi băng trước.

Trời mưa càng già, gió tạt tứ phía, nên kéo cửa kiếng bít bùng.

Tôi bấy lâu rùng núi đã trải, voi cạp đều thấy, nào biết sợ giống gì, thế mà hôm nay phải run rẩy rồn ốc với thằng cha này, để cho thầy mặc tình trở mặt yên hùng, còn tôi hết sức đỡ bên này thì che bên kia mà cũng không khỏi. Nhưng cái thân đã từng quen với hạch, gặp bày sề sề xá chi! Xe đưa đến nhà chị chủ sự, vô nhà, tôi xin lỗi thầy hội đồng cho tôi thay áo trước mặt, còn mặc một cái áo trong nhà thật mỏng, ngồi tiếp chuyện. Chị chủ sự, theo phận chủ nhà, lằng xằng lo đãi đằng gà vịt rượu trà. Chừng ba bốn tuần “mai quế lộ” (mai té lộ) điều khiển anh hội đồng ta gần cúp, chỉ đem ra một tô giấy tín chỉ(1), dở chuyện cái nhà ra nói, xin thầy hạ bút làm tin. Tuy đã tuý lúy như tử, mà thầy hội đồng còn đủ trí khôn, hỏi móc họng chị chủ

sự:

- Ý! Cái cô! Giấy tờ đâu mà sẵn làm vậy? Lại mua bán gì mà nửa đêm nửa hôm như vậy? Tôi vội nói nửa pha lửng nửa thiệt: - Bộ khi ông hội đồng ông sợ nửa đêm tôi không có sẵn mấy ngàn đồng bạc chồng ra cho ông chớ gì?

Thầy liếc tôi:

- Cô Hai khéo nói mát nói mỏ thì thôi! Giá gì mấy ngàn đồng bạc mà người như tôi lại coi trọng hơn cô hay sao. Thôi! Được!

Như cô đòi “giấy trắng mực đen” cho chắc, thì “giấy trắng mực đen” cho rồi!

Thầy vừa cầm viết, tôi lai cản, giả đồ đi mở tủ, nói:

- Tôi mới lấy dưới ngân hàng một ngàn đồng để xài mấy bữa, nay còn bảy tám trăm đây. Vậy tôi chồng đỡ cho ông bấy nhiêu

ấy, rồi ngày mai, giờ nào ông nhứt định, tôi xuống lấy thêm chồng cho đủ số, đừng không?

Ông Phát vừa cười vừa chụp tay tôi kéo lại mà rằng:

- Người ra biểu ngồi đây chơi! Bữa nào ghé nhà sẽ “lấy” hết một lần cũng đừng mà, phải không, em cô chủ sự? Ngon với nhau mà?

Tôi hứ một tiếng đồng tình ngọt xót, vừa xít lại gần xoa yêu chót mũi thầy bèn lau lau cây viết, tỏ ra mình là tay hay chữ, rồi ký tên vào tờ bán, xong rồi trao hết cho tôi. Kế nghe đồng hồ gõ một giờ, thầy làm bánh, than mệt xin kiếu về ngủ. Tôi lên xe kéo ngồi chung đưa thầy tới cửa, thầy cho hay vợ đi vắng, mời tôi vào nhà cho thầy hỏi thăm chuyện riêng. Tôi cười duyên, lấy tay sờ trán thầy mà rằng:

- Đi đâu mà vội, không mất đâu mà sợ. Để bữa khác, hôm nay anh uống rượu nhiều, không nên. Thôi, anh vô nghỉ đi, chẳng thiếu chi ngày!

Tôi với hun theo kiểu thằng Lu-y, lấy môi ép vào môi thầy, hơi rượu nồng nực.

Tôi trông rảnh rang đáng cười cái khật của đời cho đã, kéo hồi giờ nó bắt nôn trong ruột.

Tôi lấy hai trăm đồng bạc đền ơn chị chủ sự, nhưng chỉ làm mặt giận, lại rầy tôi sao còn khách sáo, chỉ không chịu lấy, rằng chị em nương dựa nhau mà ở đời, khi vậy khi khác, chớ đi tính từ chút công như vậy mà coi được hay sao.

Thấy chỉ biết điều, tôi cũng bớt giận phần nào, và từ ấy tôi cũng có lòng mến chỉ.

Tôi dọn nhà vừa xong, sắp đặt đầu đó vừa vừa con mắt, thì thầy hội đồng đã mon men đến cửa. Thời may, vào lúc chị chủ sự vừa đến chơi, chỉ chặn đầu ông hào ngọt ta rằng:

- Coi kia? Anh hội đồng lóng nầy bộ tưng rồi sao, mà lại đòi tiền gấp dữ vậy?

Ông hội đồng Pháp có tánh se sua, thường khoe mình giàu có và ăn ở rộng rãi nay bị chặn họng hỏi nhằm chỗ tức, ông ta giận, trả lời thiếu một điều gây lộn với chị chủ sự:

- Cô thiệt khi tôi quá! Bạc muôn kia, còn chưa thấy gì, sá chi thứ năm ba ngàn, mà tôi đây tưng sao? Bữa nay cô Hai chưa trả thì mai, mai chưa trả thì một, để tới bữa nào, lại không đáng. Tôi đến đây, cố ý coi cô Hai dọn nhà xong chưa và đồ đạc tôi sắm như vậy đủ dùng cùng không, chớ tôi đây có con mắt, biết coi người mà, hơi cô chủ sự?

Chị này thừa dịp nói liền:

Anh đến chị em tôi dọn nhà còn thiếu món chi đựng anh cho thêm phải không? Nè! Chỗ này còn thiếu một tấm gương soi mài cạnh, anh xuống chợ cũ, mua một tấm kiếng một thước bề ngang về treo bên vách gần bộ ngựa gỗ đó thì là tuyệt đẹp. Bữa nào anh có xu nhiều, anh mua gọi là lễ tân gia tặng em út.

Ông Pháp đồ quạu vì lời nói xóc óc, đứng phắt dậy tay móc bóp phờ, miệng nói:

- Còn đợi bữa nào, vậy chờ bữa nay không có xu hay sao? Nè!

Đó rồi thầy rút ra ba bốn tấm giấy xằng, thêm một mở giấy “mỡ gà” (giấy năm đồng đời Pháp), bỏ vãi trên bàn. Chị chủ sự cười ngắc nga ngắc nghẽo, rồi sửa nghiêm nét mặt chấp tay xá xá mà rằng:

- Coi! Nói có bao nhiêu ấy, mà anh giận tôi cho đành sao anh Phát! Tôi chọc tức anh chơi, để thử xem chữ “nhẫn” của anh có tới bực nào chứ nội cái đất Sài Gòn luôn và Chợ Lớn nữa, ai lại chẳng biết danh hội đồng Phát, trước kia là thơ ký Nam kỳ soái phủ, ăn chơi đúng mực, thạo đòn, thiện nghệ cây kim và gái nào lại không mê anh về cái ngón bốc rời không tiếc. Đáng mặt con trai ông Hàm Ninh, Sa Đéc, tuy không phải công tử mà ăn xài công tử dẫu cậu Ba ở Bạc Liêu nào bì!

Chị chủ sự thối ngay chỗ ngựa, ông hội đồng hết giận, thăm ý cả ba cười xoa, chị chủ sự không chịu thua, già già:

- Anh à! Tôi cũng hiểu ý anh đến đây coi em tôi nó muốn xin món gì thì anh cho. Thôi! Bây giờ em hãy sửa soạn lẹ lẹ, rồi chị em mình đi hóng mát với anh hội, luôn đi lựa tấm kiếng Chợ Cũ hay là kiếng nhà hàng Courtinat mới sượng cho nè?

Mỗi mỗi đều bị chị chủ sự tước tước, làm cho ông hội đồng hết phương chối từ sẵn xe Sáu Thiện còn đậu trước cửa, chị em tôi bắt quách ông ta theo ra tận đường Catinat, lựa tại hãng Courti nạt một tấm kiếng mài cạnh lõng khuôn bằng thủy tinh. Ông hội đồng trả đủ một trăm mười hai đồng. Tôi biên sổ nhà cho hãng sai người giao hàng tại chỗ, còn bọn tôi đánh một vòng vô Chợ Lớn xức mì chiên tôm đường Zaccaréo rồi mới về. Ghé nhà mới của tôi, chị em mời thầy ở lại xơi cơm và đánh tứ sắc ăn hun. Ông Phát nói:

- Bạc-đồng (pardon) để bữa khác, bữa nay cho moa kiêu vì ma-pham đi góp lúa vừa về. Moa phải về lo việc tính sổ, coi ai thiếu ai đủ. Chơi vẫn chơi, mà làm cũng phải làm, mới có tiền nuôi em út chứ!

Thầy nắm tay chúng tôi, giặc giặc mấy cái rồi lên xe ra về, tốn hết nội cuộc luôn tấm kiếng, ngót một trăm rưỡi đồng bạc.

Chú thích:

(1) Giấy tín chỉ: đời Pháp thuộc, sở trước bạ có bán sẵn đủ loại giấy có đóng mộc trước, dùng viết giấy tờ mua bán điền sản, giấy này vừa bền lại vừa bảo đảm

Suýt chết hụt trong một trận ghen. Thấy hội đồng về rồi, chị em tôi bàn soạn, tính phải lo mau đoạn phút mỗi tình n nhấm để dây dưa lâu ngày e sanh chuyện không hay.

Sẵn tại nhà chị chủ sự, có nuôi một mụ tay sai sồn sồn, có tánh ham uống rượu thừa rượu cấp, lại có tật thèo lẻo nhứt hạng, đời đó chưa có radio mà mụ ấy đúng là một cái máy truyền tin sống. Một ngày chí tối không làm gì hết, chỉ trông cho ai sai vật, mượn mua giống gì đáng có ăn xơi ăn bớt, ăn tước trên đầu người ta mới chịu. Từ hôm mụ ta thấy anh hội đồng lân la nhà tôi, mụ lên dòm hành mọi cách chứ cho có dịp kiếm chuyện đâm thọc lập công. Tôi thầm nghĩ: nếu chọc tức mụ này làm sao mụ cũng oán, rồi thèo lẻo lại với cô hội đồng thì tức nhiên kể tôi ắt thành. Bữa nọ tôi rình và bắt đặt tại trận mụ Ba Hợi đang có làm tàn lén mở nút chai dầu “Ý muốn của đàn bà” (Ce que femme veut) của tôi ra mà hửi hít. Tôi miệng chửi tay vả cho một hồi, chị ta làm lì

bỏ đi ngoe nguẩy. Tôi sai trẻ theo dõi xem có phải mụ chần tinh giả ấy đi lại nhà thầy hội hay không. Trẻ về học lại quả y như lời tôi độ, không sai một mảy. Tôi liền cạy bị giấy tờ sẵn hết, rồi lánh mặt bước trái qua nhà chị Hai bán nem nướng bò bún, chờ nghe tin tức. Cô hội đồng Ph, hay tin tôi dọn về ở nhà bánh ếch đường Garcerie của chồng, nổi cơn ghen đùng đùng, dẫn bốn bộ binh mã gồm một bồi trai và hai con hầu gái, hăm hở tìm tôi để phân thân tranh giành xích mích thì cơ đồ tan rã sụp đổ hết còn gì. Bởi khéo xử cho nên cậu nào cậu nấy đều sẵn lòng chịu khó chịu nhọc, toan lập công để mua chuộc lòng tôi. Lăn lăn một người khen một tiếng mà tiếng đồn đi khắp lục tỉnh, mấy tay cự phú đều có ghé nhà, mỗi khi họ lên dây, hoặc đi hầu kiện, bán lúa, hoặc đưa con lên học trường lớn, vay hỏi bạc chà, hay lên mua sắm đám cưới đám ăn khai bằng, vân vân. Và lại nhớ quen lớn nhiều, nên sanh ra nghề mới, các tiệm buôn hăng lớn nào trử bán vật chi, tôi đều thông thạo, và biết rõ món nào chỗ nào xấu tốt, tôi hoá ra có cái nghề nay gọi là mại bản, mà lúc đó gọi theo Tàu là má chính hay mái chính gì gì đó. Rồi nghề dạy nghề, lần hỏi các tay thiện nghệ về mua bán lúa gạo, mấy nhà thầu, tài công nhà máy, họ đua nhau dạy tôi, chỉ mánh lời, thế thần mua đi bán lại làm sao cho có lời nhiều. Nhiều khi tôi lãnh mua đồ giùm, một đám mà ăn lời hai phía lãnh bán một ghe lúa, thanh có bạc trăm, mà chủ ghe lúa lên nhà tôi chơi, phải lễ mễ, tính chuyện ơn nghĩa, lại còn bài bạc cho tôi lấy tiền xâu là khác. Ai hỏi qua việc kiện thưa, tôi phải đóng vai cố vấn, chỉ luật sư nào giỏi việc hộ, việc hình, ông nào miệng lưỡi lanh lợi, thầy thông ngôn nào có tài thông dịch trôi chảy, quan toà mau hiểu và xử án không lầm, thầy nào đem hàng dắt mối rành, thầy thầy tôi đều quen biết. Gẫm lại mình là đàn bà, nếu biết nhỏ nhẹ, khéo trong lời ăn tiếng nói, muốn cạy mượn chuyện chi, đàn ông nào lại không sẵn lòng vừa giúp? Nhiều khi tôi lãnh bướng quá nhiều công chuyện mần (làm) không hết, thế mà tôi chỉ viết thư cạy ông này thầy nọ, họ xởi lời giùm tôi mà việc cũng xong, lại được gãy gọn, công thì của ai không biết mà tiền thì tôi bỏ túi không sót một đồng, thiệt là sướng quá!

Những lúc tôi chạy bận như vậy, thì ở nhà đã có chị chủ sự coi sóc, lớp lấy xâu mấy sòng bài cào, tứ sắc, xì phè hay thín cầu (thiên cửu). Tay nào chắc chắn mà hụt vốn thì chi ra bạc cho họ ngồi sòng, như may ăn, thì chỉ vượt lời có bạc chục, rủi thua thì họ là giới giang hồ mã thượng, nào ai chạy chối đi đâu? Tuy lúc hỏi mượn, không giấy không tờ mà còn chắc hơn có trước bạ hay có cầu chứng nơi toà? Và lại cái miệng của chỉ đó có vừa với gì, ai lại không ghê không sợ cái miệng ấy! Nơi nhà tôi, chỉ còn kiêng dè, chớ với bạn hỏi chỉ tiền ngày tiền tuần tiền tháng, thì ối thôi! Một ngày chí tối, chỉ ra rả không biết lấy gì mà chứa! Đối với bọn cờ bạc, gái tứ thời, chỉ còn cất cổ siết họng hơn nữa: bắt góp từ ngày, nếu không góp, chỉ đến canh tại nhà, khách vừa ra là chỉ chìa tay râu tiền răng rắc. Tiếng nói “tiền vay vốn là một trăm”, thế mà chỉ đưa ra có chín chục, chặn lại tiền đầu, mười đồng trước, chịu thì cho, bằng không chịu thì hãy xê ra chỗ khác. Rồi một trăm ấy, mỗi ngày phải góp một đồng hai cắc (1\$20) và góp đủ một trăm ngày mới hết nợ. Rủi thời túng quá, ngày nào đó không đủ tiền góp 1\$20 kia, thì cũng phải trả năm ba cắc tiền lời và 1\$20 kia còn thiếu như cũ, nếu làm thỉnh thì chắc không khỏi chỉ sai người đến nhà làm nhục, hoặc réo tên họ hoặc chửi rửa đến chừng nào có tiền trả chúng mới thôi, hỏi có ác nào hơn? Nơi sở Ba son (arsenal) có lệ một tháng Tây phát tiền làm hai lần, chỉ cho ra năm đồng (5\$00), tới kỳ (hai tuần lễ nữa) phải trả sáu đồng (6\$00). Như không trả đủ, thì phải trả một đồng (1\$00) tiền lời, số bạc năm đồng gác qua tháng sau và để lời ra nữa? Về bạc tháng, chỉ cho ra mười đồng (10\$00), cuối tháng phải trả mười hai đồng (12\$00). Ấy là quen lớn và tử tế lắm đó, chớ với mặt lạ hay mới hỏi mượn lần đầu thì phải trả tới mười ba đồng (13\$00). Về tiền mượn, chỉ ăn lời mới thiệt là ác hơn nữa? Tội nghiệp kẻ nghèo không có vốn buôn bán, hoặc muốn sửa nhà, xóc nóc dột, làm ăn hay mua sách vở cho con học, trả

tiền trường, đựng tới chỉ, đến hỏi tiền mượn của chỉ, thì cứ chín đồng bạc (9\$00) đưa ra, mỗi ngày phải nạp cho chỉ hai cắc (0\$20) tiền lời, trả như vậy tháng này qua tháng kia, mà vốn cũng còn nguyên vốn, chừng nào trả chín đồng (9\$00) kia mới là dứt nợ “tiền mượn”. Khi nào ốm đau bệnh hoạn, làm không ra tiền và không tiền trả cho chỉ, năm mười bữa thì chỉ kê lời với vốn, tính ra mười đồng (10\$00), bắt phải trả tiền lời một lóp nửa, chồng chất lên hoài, nên đúng với câu “nợ lút đầu lút cổ”.

Còn trong sòng cờ bạc, ai muốn thế churen đồ (vàng, cà rá), thì cũng một tay chỉ ra tiền. Nếu xen sòng mà đồ thế không chuộc liền đó, thì chỉ kỳ cho nửa tháng, cứ mỗi đồng bạc cho ra, phải trả mỗi ngày là tiền rưởi (ba su) tiền lời, đã vậy, vàng của người ta, chỉ lấy đem đi cầm nơi tiệm, lấy tiền về cho chỗ khác vay mượn, để tiền lời cho chỉ nuốt! Chừng nào chủ chiếc vàng chiếc cà rá có tiền đem trả chỉ, thì chỉ mới chuộc trong tiệm ra. Còn một cách nữa là hể vàng thế, tới kỳ không chuộc thì chỉ lấy chiếc ấy cho ai đó liệu chắc chắn, mượn đeo, tiền mượn đeo ấy, cứ một đôi vàng hay sợi dây chuyền, mỗi ngày mượn hai cắc (0\$20), kiêng vàng ba cắc.

Nhiều khi, tôi thấy người nghèo khổ tới khóc lóc năn nỉ chị chủ sự thiếu điều gây lười mà chỉ vẫn không nao núng, cứ mắng xối người ta, đòi thừa cò bỏ tù phát mãi, chỉ nghiêng răng trọ trọ, người ấy ra về rồi, tôi trách chỉ quá độc ác không biết nương tay, khi ấy chỉ ngồi nhắc lại lúc xưa, khi còn ở với Má Tư Hớn, bán máu bán trinh, hỏi mấy ai biết thương cho chỉ? Và mấy ai biết tội nghiệp là gì? Muốn may một cái áo mới, cũng phải mua góp rồi trả từ ngày của đáng một đồng trả thành hai. Còn như cái thân cha mẹ sanh thành cực khổ, đem ra thí thân làm món đồ chơi cho khách, họ trả cao trả thấp từ đồng, giần vật thân thể đủ mọi cách vầy vò đủ kiểu, chiều lòn khách hết nước, chừng đem tiền về cho má, thì tiền đầu, tiền ngày, tiền góp, má trừ gần hết, ai biết thương cho mình. Thiệt là nghe chỉ nhắc lại chuyện cũ, tôi bắt lạnh mình rớn ốc. Chớ chỉ tôi không sớm thoát thân thì ngày nay không biết nó ra tới nước nào. Nghĩ tới đâu tôi cảm hờn tới đó, xã hội là đường thế, gặp cảnh nào hay cảnh nấy, không còn biết thương hại người đời là gì nữa.

Nghĩ cho đời, toàn là giả dối! Tôi bắt lỗi chị chủ sự là ác độc tôi thấy lỗi người mà không xét lỗi mình! Bỏ chồng, đoạt cửa, lột nhà số đi tu bỏ rơi đàn ông anh Lu-y (cũng khá không tìm kiếm thừa gởi), nay làm nghề này rồi chê má Tư Hớn là chê làm sao được? Ban đầu giận oán cô chủ sự, sau kết làm bạn, rồi xót rồi thương. Chốn ngục tù, thì lòng nát ngấu như tương, làm thân con ở phải lòng chai dạ đá. Tôi a ý khúc tưng, giúp giáo cho giặc, oán trách hăm trả thù bà Tư Hớn mà rốt lại cùng làm một nghề! Mâu thuẫn ôi là mâu thuẫn. Và đời là vậy đó!

Xã Tri mắc lặn

Việc ác tôi làm một ngày một đậm, không khác tay lờ nhúng chàm, càng lâu càng thấm... Một bữa nợ, có thầy phó tổng ở Sóc trắng, lâu ngày quên tên, lên tìm tôi, rằng nghe tiếng đồn, nhà tôi cho vay lớn, muốn thế ba trăm mẫu ruộng thượng hạng, vay đỡ có được thì một muôn rưởi, không thôi cùng cực thì muôn hai. Cậy anh phán Đức dắt lại. Đức là thầy đồn cò, biết chữ Nho khá. Vào làm ăn tiền ngày, coi việc phiên dịch đơn từ chữ Hán ra quốc ngữ, sau toà dẹp ngạch phiên dịch và bỏ hết nhân viên vào ngạch thông ngôn toà, Đức lên phán, vẫn ngồi ăn trầu bô bô và không nói được một tiếng Tây. Đánh phè hay, đồn tươi khá, và quen với tôi nhờ hai nghề này. Tôi nói: “Tôi mang tiếng cho vay đặt nợ, là cho nho nhỏ kia, chớ anh yêu này, ảnh lại không biết hay sao mà nói chuyện vay hỏi bạc muôn”. Anh phán nghe tôi rao Nam làm vậy báo hại thầy

phó sừng sốt ngó tôi, phán Đức rước nói: “Thầy cai (kêu tăng) chưa biết bề thế cô Hai, chớ nói cùng mà nghe, bạc nhà cô có lỗ cho ra quá nhiều và chưa thâu lại kịp đủ số muôn đi nữa, cổ lại hiểm gì một tiếng nói mà không giúp anh em chúng mình hay sao?” Nói đến đó, Đức giả bộ lại gần bàn lấy điều thuốc, thổi vào tai tôi câu: “Toa buộc xăng” (trois pour cent) là phần một mình cô, còn Đức này một bữa cơm cà-ri là đủ”. Nghe anh nói làm vậy, tôi mới chịu miệng, lãnh bóc giấy tờ, bằng khoán, hẹn với thầy phó hãy để đó cho tôi đi hỏi thử, được cùng không chiều mai trở lại sẽ hay...

Tôi tuốc lên đường Plerre Flandin (bà huyện Thanh Quan), rủ chị Tư Hào, cùng đi với tôi xuống đường Ohier, xóm chùa chà, kiếm nhà thằng chetty quen với chỉ. Thuở nay tôi tưởng chà xã-tri cho vay đặt nợ thì nhà cửa sang trọng lắm, vì xứ nó nóc chùa vẫn thép vàng và bò của nó nuôi để kéo kiệu Phật, sừng vẫn bít bạc. Nào dè vô nhà thằng xã-tri nào cũng y nhau, hai bên vách đều lót giường nằm bằng gạch trải đá bông chỉ chữa khoảng giữa một đường đi chạy theo dọc dài căn phố chừng hai thước bề ngang, giường hay ván nầy không chiếu liếp gì hết, và đũa nào như đũa nấy, từ chủ gọi tàu-kê (thầu kê: đầu gia, tiếng Tiều) đến thằng tớ nấu bếp cà-ca-ri, đều ở trần trụi thũ, tớ khác chủ là không được nằm ngồi trên giường nầy, và trưa trưa chủ tiệm chà vẫn nằm trườn trên ván như cá sấu trườn bãi, xem tục tũ quá chừng. Chúng không dám lót gạch hoa dưới đất vì sợ tốn nhiều tiền, nhưng gạch Tàu của chúng, lau quét thường ngày, trông đồ au láng bóng. Tôi cố không nhìn cảnh thô tục trước mắt và rán nín thở để khỏi hít mùi nị, mùi chà đặc biệt của chúng. Tôi đưa bằng khoán cho lão tàu kê tên là Annamalé-chettyar coi, tôi trừ hao, nói muốn vay hai muôn (20.000\$00) tính chận một mở để xây xài. Annamalé hai tay cứ cuốn kèn tờ bằng khoán, miệng nói tía lia giống gì với chị Tư Hào, tôi không nghe được tiếng nào, còn con mắt nó vẫn đảo lên đảo xuống ngó tôi trần trụi từ ngực đến mặt rồi ngó xuống thân dưới, tôi mất cỡ quá mà phải rán chịu, đoạn nghe anh ta cười hỏ hỏ như thằng ngáo, rồi day lại nhìn tôi không chớp mắt và nói: “Cô để đó, mập-lê(1) biểu luật sư coi kỹ, rồi nói lại với chú Tư, chị Năm, được?”. Tôi nhìn nó rồi cười và nhại lại nó: “Được! Được? Biểu chị Tư nầy, lại cái nhà tôi, cho tôi hay. Được! Được!

Qua bữa sau, sớm bửng tương đã thấy chị Tư Hào đến nhà, ngắt yêu tôi mà rằng: “Thằng Annamalé nó thấy cô hôm qua, nó thêm nhau nước miếng. Hồi hôm nầy nó lại nhà tôi, năn nỉ biểu làm sao cũng dất giùm nó tới cho biết nhà cô. Con nai nầy nó chịu đèn rồi, chỉ còn chớ cô hạ nó một phát rồi làm thịt. Nhớ chữa cho tôi bộ răng hàm trên để làm bàn nạo nạo dứa. À! Mà thằng ấy nó nói muốn cậy cô bán giùm nó li cái hột xoàn người ta không chuộc và đã quá ngày. Nó lo le cho tôi xem sáu hột bụi, thiệt là đích đáng, mà đời nào nó giao cho tôi. Tôi ừ và biểu chỉ muốn dất nó lại thì dất, chiều tôi có mặt ở nhà thường. Sau đó tôi cũng dặn trước chỉ đôi điều kéo vuột con nai tơ nầy thì uống lắm.

Chị Tư Hào vừa về thì tôi tuốc lại nhà chị chủ sự, thuật hết mọi việc cho chỉ nghe, chỉ cười ngắt, biểu tôi mau lập tâm thê nào để lật ông táo lửa nầy chơi một chuyến bỏ đi uống lắm. Nó cắt cổ người Nam mình đã nhiều rồi. Tôi hội ý ra về, nhứt diện nhắn thầy phó rằng việc coi dèo thuận chiều, xin phiền thầy rán đợi ít ngày, nhứt diện viết thiệp mời anh tư Ve (Pierre Nguyễn Thuận) làm chủ tờ báo không ai đọc “Tiếng kèn” (Le clairon, vì viết tiếng Pháp), mời anh gấp qua nói chuyện cần. Tôi nghiệp mới mười một giờ rưỡi chưa kịp về nhà ăn cơm, anh Ve đã đến, hỏi từ ngoài cửa hỏi vô: - Cô chủ nhà ở đâu? và chuyện gì cần kíp lung dữ vậy?

Tôi đáp:

- Có. Có việc lớn và gió lớn(2) chớ không, ai dám làm nhọc lòng anh Ve của tôi. Thôi, lại tử rựu lấy ly chai và uống áp-bê-rô (appétitif) đi, rồi ở lại đây ăn cơm với tôi, tôi sớm mai nầy làm siêng ra chợ mua

được mớ đuông chà là ở Cà mau đem lên, ngon lắm. Mà anh biết ăn đuông chó? Tới bữa ăn, tôi mới đọc hết công cuộc thắng xã tri dê, muốn làm bánh gỏi hột xoàn bán giùm, và cạy ảnh chịu khó đừng đi đâu, và cho tôi mượn cái oai của ảnh ít bữa đừng kiếm tiền xài tét. Anh Ve nghe tôi nói tới đó, vùng ngừng hớp rượu, hỏi: “Oai gì? Ở đâu mà mượn? Mượn làm cái gì chót? Mà làm sao cho mượn được?” Tôi cười, ra dấu cho ảnh nín, nghe tôi cắt nghĩa: “Oai là anh từng đi lính sơn đá cho Pháp. Anh có Pháp tịch. Tưởng anh bậm trợn vằm vớ, tiếng anh rồn rảng oai nghiêm, nên mượn anh giả đồ làm chồng cho...” Mới nói có bao nhiêu đó, Tư Ve nghe kịp, khoát lia khoát lia mà rằng:

- Thôi! Biết rồi! Thiên cơ bất khả lậu? Em tính trát đừng lột da con lợ nời ấy phải không? Em biểu làm sao qua cứ việc làm y theo vậy, y không sai chồng thiệt chút nào, nghe không?

Tôi nguyền ảnh mà rằng:

- Chuyện thiệt, đừng có nói giỡn, không nên. Rán cho giỏi người ta biết ơn, người ta kiếm cho một con mèo còn bánh bằng mười tôi đây nữa là. Chiều, hết giờ làm việc, đi thẳng về đây, ăn cơm, nghe không!

Trời vừa chạng vạng, thằng chà Annamale ngồi xe kiếng với chị Tư Hào, nó vừa bước vô cửa thấy anh Tư Ve ở trần trụi trụi nằm trên ghế xích đu đương đọc nhật trình, thì nó dội ngựa muốn thối bộ ra rồi. Tôi lúc ấy đang nằm trên bộ ván cũng đương coi truyện, tôi lật đặt bước xuống vống cái một, miệng với kêu:

- Ủa. Này chị Tư, ề. Anh Bảy. Vô đây chơi mà. Có sao đâu mà sợ? Ngại cái gì?

Rồi tôi chạy lại vỗ vai thầy Ve và giới thiệu giùm giã:

- Nè mình. Đây là chị Tư Hào, ở đường Pierre Flandin, bạn với tôi từ hồi nhỏ. Còn đây là ông Annamale đường Ohier, tay buôn hột xoàn, đem xoàn định nhờ tôi bán giùm.

Thầy Ve cũng ừ hự có chừng và chào hỏi lơ là. Tôi mời khách ăn trầu hút thuốc, hồi trẻ pha trà mới, rồi giả bộ như nhớ việc gì, vùng gọi thầy Ve mà rằng:

- À mình, hồi trưa mình dặn tôi nhắc mình chiều nay xuống nhà Cafford lựa mua súng sáu giùm cho ai đó, mình đi hay không?

Thầy nói:

- Ừ, phải à. Đưa tiền đây đừng tôi đi cho kịp trước giờ hăng đóng cửa. Mua để bỏ túi, hộ thân, chớ mua giùm cho ai đâu.

Tôi xin lỗi khách và lật đặt mở tủ sắt lấy tiền đưa cho Ve, anh ta đốt thuốc hút, dúi nón xách can (canne, gậy) lấy tiền bỏ túi, rồi dặn lớn:

- Tối nay mình biểu thằng Bốn ngủ ở hàng ba gần cửa có lẽ tôi đi đánh thín cầu nhà thầy Bảy Phương, khuya hay gần sáng về kêu cửa khỏi làm mất giấc ngủ của mình. Thôi, chào hết các bà con, tôi đi đây.

Thầy Ve sắp lưng vừa ra khỏi nhà, chị Tư Hào hỏi:

- Bộ đêm nào thầy cũng đi như vậy hay sao?

Tôi thở dài, than và liếc anh chà:

- Ôi, anh ấy hơi đâu mà nói. Đêm nào như đêm nầy đều bỏ nhà đi như vậy hết. Mê chà bài hơn mê vợ nhà. Có khi đi tới sáng rồi ở luôn đâu đó, tôi nào thèm nói tới đâu.

Lão tảo lừa nghe thâm mật đặc ý, bản mặt tươi như đồ sơn mài vừa đánh bóng xong, nhai trầu ăn lá này qua lá kia, và nuốt cốt trầu ráo trọi. (Do nước cốt trầu nói nhanh nên mất chữ nước) Tôi lấy một cái, chị Tư biết ý, đứng dậy đi ngay xuống nhà dưới, rồi ở luôn không lên. Khi ấy tôi mới xít ghế lại ngồi gần sát mặt lão tảo, hôm ấy tôi có xúc chút ít dầu Coty mùi vừa nhẹ

Vương Hồng Sển (những mẫu truyện ngắn)

Phụ đính

Chuyện tình cụ Vương Hồng Sển Hồng Hạc

Ngày 9/12/2006, kỷ niệm 10 năm ngày mất nhà văn hóa Vương Hồng Sển, tại trụ sở mới của tạp chí Xưa và Nay (181 Đề Thám, quận 1, TP.HCM) đã cử hành lễ tưởng nhớ cũng như trưng bày một số hình ảnh, hiện vật của cụ Vương với sự tham gia đồng đạo các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo, nhà sưu tập cổ vật trong nước.

Trong dịp "đốt lò hương cũ nhớ người xưa" này đã có nhiều phát biểu nêu bật những đóng góp của cụ Vương đối với sự nghiệp văn hóa nước nhà. Riêng về cuộc sống tình cảm của cụ, nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn và một số vị khác có nhắc đến nữ nghệ sĩ Năm Sa Đéc và hình bóng của một "em Tuyết" đẹp tuyệt vời đã làm rung động trái tim của cụ từ thuở thanh xuân cho tới lúc bạc đầu. Vậy "em Tuyết" là ai?

Nhà xưa mái Tuyết...

Cô Dương Thị Tuyết đẹp có tiếng ở vùng chợ Sóc Trăng vào những năm cuối thập niên 20 của thế kỷ trước. Đẹp đến nỗi cụ Vương Hồng Sển gọi bằng mấy tiếng "sắc nước hương trời" và vẻ tươi mát trẻ trung như hoa hàm tiếu sánh với những nụ "hoa đào vừa hé".

Ngoài sắc đẹp được xếp vào hàng hoa khôi trong vùng, cô Tuyết lại là cháu nội của bà phủ An nức tiếng giàu có với 2.000 mẫu ruộng cò bay thẳng cánh và gia sản sáng lòa với nhà cao cửa rộng mà tiếng đồn phú quý lan khắp Sài Gòn. Thế nhưng có hai điều đã đặt "em Tuyết" (chữ cụ Vương Hồng Sển dùng) trước ngã năm ngã sáu đường đời.

Một là, bà phủ An do một chương duyên nào đấy đã "không nhìn" cô cháu nội (Tuyết) của mình trong một thời gian dài, lúc đó cô Tuyết vừa đang trong độ tuổi trăng tròn. Hai là, bà má cô Tuyết rất ham đánh bạc, tiền của trong nhà đội nón ra đi khiến cho "nợ thiếu tứ giăng". Trong tình cảnh như vậy, cô Tuyết như một đoá hoa hàm tiếu nở hé trên đất nóng. Chẳng thiếu gì người mơ ước được đem những giọt nước mát tươi cho đời Tuyết được tươi, trong số đó có một thanh niên 26 tuổi.

Thanh niên đó chính là Vương Hồng Thạnh, sinh năm Nhâm Dần (1902) tại Sóc Trăng (cùng quê với Tuyết). Mấy chữ Vương Hồng Thạnh (đọc theo âm Hán Việt) khi làm khai sinh (ghi theo chữ Quốc ngữ) mới thành Vương Hồng Sển. Chữ Sển, theo một số người hiểu chuyện, thì không có nghĩa gì, mà chỉ do đọc chệch âm "Thạnh" mà ra. Tới năm 17 tuổi, chàng Vương rời Sóc Trăng lên Sài Gòn học Trường Chasseloup Laubat tức Trường Jean Jacques Rousseau sau này (nay là Trường Lê Quý Đôn, quận 3, TP.HCM). Bốn năm sau, tốt nghiệp Thành chung lúc 21 tuổi (1923). Đến năm 23 tuổi đã cưới vợ, không phải "em Tuyết" mà là cô Trần Thị Th. nhưng chỉ ở với nhau 9 tháng rồi ly dị.

Khi cuộc hôn nhân đầu tiên trong đời khép lại, chàng Vương mới mở ra một cánh cửa mới nhằm đến "em Tuyết" mà Vương thương yêu nồng nàn và cũng đau khổ nhiều năm vì Tuyết. Bấy giờ, chàng Vương 26 tuổi và cô Tuyết mới 17 tuổi (1928) đã làm lễ thành hôn và sống chung với nhau trong 19 năm trước khi chia tay. Lúc mới gặp nhau, chàng Vương đưa "em Tuyết" từ chốn tha hương về lại quê Sa Đéc và sau này trong một hồi ức đã kể lại đoạn trường tư cố vô thân ấy như sau: "Rồi từ ngày anh (Vương Hồng Sển) đưa em (Dương Thị Tuyết) về tỉnh Sa Đéc, mười lượng vàng của mẹ anh mẫn phần trời để lại, anh dâng cho nhạc phụ, nhạc mẫu làm lễ sính, ông bà "nướng" tất cả trong sòng me (cờ bạc), cầm thế cho nhà Tăng Quang Vĩ, 10 lượng thế lấy 600 đồng bạc đầm xòe, khi mẹ chúng ta mất rồi, người bố ghê hứa chuộc nhưng không giữ lời...".



Nhà xưa mái Tuyết phai tàn,
Tinh xưa vẫn ngổ máy hàng song song.
Ảnh: Diệp Đức Minh

Tình cảnh lúc ấy thật bi đát. May sao bà phủ An thay đổi thái độ nhìn nhận "em Tuyết" làm cháu ruột của mình và cho hưởng gia tài. Khi bà phủ mất năm 1931 đã trời lại cho "em Tuyết" một gia sản không nhỏ trong đó có đôi bông 6 ly là đôi bông tai kim cương mà bà đã đeo từ lúc còn sống, nhất là "cái vòng xoàn đeo cổ, đếm 16 miếng vàng có nhận hột xoàn từ 3 đến 4 ly (nếu biết lấy xoàn này nhận làm bông tai sẽ có 160 đôi hoa tai, mỗi đôi nay giá mấy triệu đồng)". Nhưng về sau này tất cả của cải nói trên theo lời thuật của cụ Vương thì "thầy đều tiêu tan như bọt xà phòng vì em Tuyết thua bài thua bạc sạch trơn". Còn những ngày hàn vi chân ướt chân ráo ở Sài Gòn về Sa Đéc lại rất ảm áp như cụ Vương kể: "mỗi đêm anh mê chia bài thiên cừu, dất em theo ngồi ngoài sông chờ anh sát phạt ba cây bài gỗ, đến khuya rủ nhau đi xơi mì chú Dầu nơi mé rạch Sa Đéc, qua năm 1931 đổi về tỉnh nhà Sóc Trăng, rồi năm 1938 đổi lên Cần Thơ, kể thuyền chuyển về đô thành Sài Gòn làm việc nơi Soái phủ Nam kỳ, có tiền dư, có sức khỏe, ngờ đâu từ ngày xảy ra việc binh Nhứt tràn vào cõi Nam, tiếp theo là cuộc Pháp mất thuộc địa, toàn quyền Decoux bị hạ bệ, Nhứt hất chun Tây, để lãnh đủ hai trái bom (nguyên tử) tan tành giấc mơ Đại Đông Á, đôi ta chạy về ruộng nhà ở làng Hòa Tú, trần ai khổ cực có nhau, bỗng chuyển trở về Châu Thành Sóc Trăng, ngồi dưới sương lạnh trọn một đêm dài, về tới nhà phụ thân anh, em xán một bệnh trời chết, bệnh ban của lưỡi trắng, chạy thầy chạy thuốc, bổn thân anh bơm thuốc, hốt bùm chất dơ, em lành mạnh rồi, em đạp xe đồ lên Sài Gòn mượn tiếng đi bán xoàn để có tiền chi dụng, ngờ đâu kim cương là đại họa, cái bầu cổ 320 hột quý làm cho đôi tràn thay đen...". Nghĩa là về sau những chuyến đi Sài Gòn của "em Tuyết" đã dần dần rời xa mối duyên "nghìn xưa đã lại" với cụ Vương để ra đi cùng một người khác tên là Th. Nỗi đau lại đến với cụ Vương trong "cuộc tình tàn" thứ hai này.

Vĩnh biệt "em Tuyết" ở Sài Gòn

Vượt qua cơn bệnh nặng, "em Tuyết" của cụ Vương hồi phục. Sắc đẹp mặn mà của người phụ nữ ở độ tuổi 30 - độ tuổi của quả ngọt đang hồi chín tới - đã làm xiêu lòng một "người thứ ba" nhỏ hơn cụ Vương đến mười mấy tuổi.

Đó là Hồ Văn Th. được cụ nhắc tới trong hồi ức như một người quen biết với cụ cũng như với "em Tuyết" từ trước và là một tay chơi bài "khôn" đáo để. Cụ viết như nói với "em Tuyết" rằng: "Anh không lanh lợi như Th., mỗi dịp Tết hội nhau chơi bài, Th. ăn gian mà anh lù khù vẫn chung tiền...". Con người "lanh lợi" ấy, tuổi lại trẻ hơn cụ Vương nhiều, đã cùng "em Tuyết" hện hò, lao vào cơn lốc đầy ma lực của tình yêu mới. Ở lãnh địa nhiều sức hút này, Th. và "em Tuyết" ngày càng đi đến chỗ gắn bó không còn muốn xa nhau nữa. Hai người ngày càng biểu lộ rõ hơn tình cảm của họ trước mọi người. Để rồi đến một bữa nọ "em Tuyết" công khai ngỏ lời muốn chia tay với "chàng Vương" sau 19 năm chung sống (không có con).

Cụ Vương lúc đầu tìm lời khuyên nhủ, nhắc nhớ những ngày hai người đầu ấp tay gối, đùm bọc chia sẻ ấm lạnh từ đất Sài Gòn, Sa Đéc đến Cần Thơ và Sóc Trăng với Tuyết. Nhưng dường như những kỷ niệm xưa do cụ Vương khơi dậy đã không mạnh bằng tiếng

nói mới thắm thì nhưng mãnh liệt từ mối giao tình với Th. nên cuối cùng, như cụ Vương viết: "Em (Tuyết) vẫn bỏ anh, mấy lần cậy anh em thương thuyết, nài nỉ cách mấy, em cũng không ở lại. Thế rồi em lấy Hồ Văn Th., nhỏ hơn anh trên mười mấy có dư, em vui duyên mới, anh tê tái, nát ruột như tương". Thế là cụ Vương đành chia tay với người vợ thứ hai này sau gần hai thập niên ăn ở với nhau. Lúc ấy cụ Vương đã 46 tuổi và "em Tuyết" 36 tuổi (1947), khi chia của cải "em biếu anh mở sách cũ và bao nhiêu thứ đồ cổ mà em không tha thiết, em chỉ xin và anh ưng lòng để em ôm hộp sắt Fichet ra đi, hộp chứa đựng vàng vòng của phụ thân anh tự tay làm ra, và bao nhiêu của báu mà anh không màng, anh chỉ màng mối tình 19 năm âu yếm mà em đành dứt đoạn, của báu ấy xiết bao người mê thích, chỉ một anh không thích mê chút nào, thật vậy, anh chỉ mê chén xưa tuy nứt nẻ và mê ấm sứt vôi".



Dưới mái ngói của "vườn nhà cổ tích" này, cụ Vương đã viết những dòng khóc lóc "cuộc tình tàn" với Tuyết - ảnh: Diệp Đức Minh

Đúng thế thật, lúc bấy giờ cụ Vương đã say mê sưu tầm đồ cổ và sách báo. Trong những năm cuối sống với "em Tuyết" cụ đã biên soạn công trình nghiên cứu đầu tiên công bố trong kỷ yếu của Hội Khuyến học Nam Việt vào đầu năm 1943 và xuất bản Les Bleus de Hue à decor Mai Hạc par Vương Hồng Sển vào năm kế đó, 1944. Có thể tình yêu đồ cổ và nghiên cứu những giá trị quá khứ của cụ đã không hợp máy với tâm hồn đang đòi hỏi một "hiện tại" ngọt ngào hơn của Tuyết. Song theo cụ sở dĩ "em Tuyết" khẳng khái theo mỗi duyên mới là vì "mấy hột kim cương tai hại... ai kia nói có xoàn là sang là quý, xin cho tôi cái lại, tại tôi quá dễ dãi, bắt chước lối ăn ở theo Tây, để vợ quá tự do" lấy có mang xoàn lên Sài Gòn bán để rồi giao du rộng rãi. Một lý do nữa do cụ Vương nêu lên và viết lại về nguyên do dẫn đến thái độ chia tay quyết liệt của Tuyết là: "Một phần cũng tại Cảnh (em khác mẹ của cụ). Cảnh nhần tâm đồ lư hương nhạc mẫu (mẹ của em Tuyết) để em nước mắt đầm đề, rồi xảy ra chia duyên rẽ thùy từ đây, ôi nhắc lại làm chi, mọi sự đã trể rồi. Quan lạ em xin tội, anh riêng nhờ chị Emille Penne giải hòa nhưng mối hòa nan giải".

Sau ngày xa "em Tuyết", cụ Vương rời Sóc Trăng trở lại Sài Gòn vào mùa thu năm 1947. Còn Tuyết lập tổ ấm mới với Th. cùng chung sống trong hơn 30 năm rồi Th. qua đời trước, hai bên cũng không có đứa con nào. Từ đó bà Dương Thị Tuyết sống đơn chiếc ở Sài Gòn cho đến ngày qua đời tại cư xá Thanh Đa. Ngày bà mất, cụ Vương được tin trể sau khi liệm. Cụ đã vội đến viếng ngay khi hay tin và viết những dòng thắm thiết sau đây: *"Em Tư (Tuyết) ôi, anh khóc em đây, thôi thôi, em Tư của anh đã không còn rồi! Chiều 6 Juillet (6.7.1992), thằng Thông đến vội vàng, cho hay tin em đã nhắm mắt từ hôm 4 và đã liệm xong rồi, trể quá rồi và ngày mai 7.7, sẽ đưa đi hỏa táng ở Cây Quéo và tro cốt sẽ gởi nơi nhà thờ. Tin như sét đánh, chẳng kịp bưng tai. Còn gì nữa đâu !".* Đọc những dòng tiếp theo của một người chồng 91 tuổi rất mực yêu vợ cũ chúng ta sẽ hiểu rõ thêm tâm tình của cụ Vương dành cho bà Dương Thị Tuyết vẫn nồng nàn như thuở nào, và biết thêm những giờ phút cô đơn cuối đời khi mẩn phần của một hoa khôi Sóc Trăng ngày nọ: *"Em hai lần lấy chồng mà "hoa không kết quả", em sạch sành sanh, nhần anh một lời cụt ngủn: "Gởi lờ thăm nhé!", Tư Tuyết em ôi, lòng anh đau như cắt, nứt là hay tin cốt tro của em sẽ gởi vào*

thánh đường, nhưng nhà thờ gần đây mới bày ra tro cốt gởi nhà lưu trữ, còn anh đây, nửa theo Thánh Giá, nửa theo đạo Khổng, anh đang điều đình với Phụng là dưỡng tử của em, hãy cho anh rước tro em đưa về an táng nơi đất chùa ở Quang Mỹ tự (Phước Thiện), Biên Hòa, may ra được gần phần mộ của bà và của anh Ba Thoại, bào huynh của em. Nay em ra đi, anh sống lại làm chi với tuổi 91 để chứng kiến cảnh thương tâm này? Hồn em có linh, xin chứng chiều..."

Gặp nữ nghệ sĩ Năm Sa Đéc



Chàng Vương cầu hôn
(năm 22 tuổi) - Ảnh: T.L

Người đàn bà thứ ba xuất hiện trong đời sống tình cảm của cụ Vương và trở thành người vợ chung sống mặn nồng, lâu nhất với cụ suốt 41 năm là nữ nghệ sĩ Năm Sa Đéc mà NSND Đinh Bằng Phi đã tóm lược cuộc đời hoạt động nghệ thuật vang bóng của bà bằng mấy câu: "Trong giới hát bội, ít ai quên được một nữ nghệ sĩ tài danh mà tiếng tăm vang lừng từ Nam ra Bắc, từ lúc thanh xuân đến tuổi lão thành, đó là nghệ sĩ Năm Sa Đéc. Bà có một cuộc đời nghệ thuật khá vinh quang và cuộc đời thường của bà không kém phần sống gió".

Nói sống gió là do việc đổi dời của bà theo nhiều bước thăng trầm của các gánh hát trứ danh thời đó và ngay cái tên Năm Sa Đéc cũng xuất phát từ việc "đụng hàng" với một cô đào khác. Nguyên tên thật của bà là Nguyễn Kim Chung, sinh năm 1907, là con của ông bầu gánh hát bội Nguyễn Duy Tam. Lúc đầu ông Tam đặt cho bà tên gọi ở nhà là Năm Nhỏ. Nhưng về sau để tránh trùng tên với cô đào Năm Nhỏ gốc người Cần Thơ lúc bấy giờ đã nổi tiếng, ông Tam đã đổi tên gọi bà thành Năm Sa Đéc với ý là "Cô Năm (Nguyễn Kim Chung) gốc người Sa Đéc".

Trước khi gặp cụ Vương, Năm Sa Đéc đã là một trong những nghệ sĩ tiên phong trên sân khấu hát bội được đánh giá thanh sắc lưỡng toàn thu hút đông đảo khán giả ái mộ. Và cụ Vương là một "khán giả" đặc biệt đã ghi sâu hình ảnh "em Năm Sa Đéc" vào mộng chiều xuân, như bài văn tế sau này ghi lại:

"Gió lá vai mang nhè nhẹ", em xuống giọng "thoàn"
Người hùng lòng thấy lằng lằng, hồn theo mộng bướm.
Đôi chân bước khoan thai diu dặt, êm dềm như gió trúc lay cành.
Muôn mắt nhìn đắm đuối say sưa, miên man tưởng "chiều thu đổ lá". (...)
Rạp Quảng Lạc Hà Thành nô nức, lễ tiếp nghinh, tiệc mở cờ treo;
Danh "Cô Năm Sa Đéc" lẫy lừng, đến biểu diễn hoa dâng quạt thưởng.

Cụ Vương để tâm tìm hiểu "cô Năm Sa Đéc" và biết sau ngày gánh hát nhà của cha tan rã, Năm Sa Đéc dạt sang Cần Thơ đi hát cho gánh của Bầu Bòn. Ở đó, mặc dầu xuất thân từ

sân khấu hát bội, song Năm Sa Đéc cũng phải chiều ý của Bầu Bòn để hát pha cải lương theo nhu cầu của khán giả thời ấy. Nhưng rồi, cũng không bền, Năm Sa Đéc lại xuất hiện ở các đoàn hát của Trần Đất, Huỳnh Kỳ sắm các vai kiếm khách, văn thần, võ tướng qua các vở cải lương. Tiếp đó cô đến với đoàn Song Phụng, rồi lại về Sài Gòn với đoàn Phước Xương (của cô Ba Ngoạn) và tài năng lại rực sáng, lôi cuốn khán giả với các vai kép, vai văn, hoặc vai võ như Lữ Bố, Triệu Tử, Địch Thanh...

Bấy giờ, tuy Năm Sa Đéc sống giữa chốn đô hội nhưng không mấy vui, vì mang trong lòng mối tình dở dở giữa cô và nghệ sĩ Hai Th. Chính lúc đó cụ Vương cũng lên Sài Gòn, cũng mang trong lòng mối ngổn ngang sau ngày chia tay với Tuyết. Hai người gặp nhau và có lẽ mối đồng cảm trong "trường tương tư" đã nhanh chóng kết nối cụ Vương với nữ nghệ sĩ tài danh này như lời nhận xét của người trong giới, rằng: "Cuộc đời của nghệ sĩ Năm Sa Đéc bước vào một khúc quanh mới, khi cô gặp gỡ và kết nghĩa với học giả, nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, khi hai người vừa "gãy gánh giữa đường". Ông thì làm công chức, viết sách, nghiên cứu các thú chơi đồ cổ, đá gà, hát bội, bà thì hát bội, diễn cải lương... Ban đầu lúc kết nghĩa vợ chồng, vào cuối năm 1947, cụ Vương và Năm Sa Đéc sống trong một ngôi nhà nhỏ ở xóm Cù Lao nằm trên đường Võ Di Nguy cũ. Đó là ngôi nhà lợp lá ọp ẹp nhưng cũng không phải là nhà riêng mà phải thuê lại của một người chủ quen gọi là thầy Sáu. Tuy vậy cuộc sống chung ấm áp dưới mái lá đó đã để lại những kỷ niệm không quên mà sau này cụ Vương nhắc lại:



Anh hồi tưởng: Chòi lá năm xưa, Cù lao xóm cũ
Ngồi nghe em hát, giọng du dương trưa sớm chẳng nhàm tai,
Bâng hoàng giấc mộng trầm tư, đánh chết điệp khúc quanh chiều
rẻ lối.

Long lanh ngân lệ trào dâng,
Lặng lẽ trang tình xếp lại (...).
Đôi vợ chồng ra vào khắng khít, mắm muối mà vui,
Một chòi tranh sau trước điều hiu, ghế bàn chẳng có.

Những câu trên nằm trong bài "văn tế Năm Sa Đéc" khá thảm thiết. Bài này do một người khác ký tên Tế Nhị chấp bút "viết thay lời chồng là Vương Hồng Sển". Mà lại viết trước khi nghệ sĩ Năm Sa Đéc qua đời để nhằm "dọn sẵn bài khóc vợ" cho cụ Vương với sự đồng ý của cụ. Thật vậy, nguyên vào cuối tháng 7.1981 (tức 7 năm trước khi bà Năm Sa Đéc mất), cụ Vương đến nhà của Tế Nhị ở đường Hai Bà Trưng rồi thuật hết tâm tình của mình trong đời sống vợ chồng với bà Năm Sa Đéc cho Tế Nhị nghe. Tế Nhị ngồi trên chiếc ghế mây, vừa nghe vừa ngẫm nghĩ và theo lời cụ Vương sau đó Tế Nhị đã "xuất thần đọc cho tôi chép (bài văn tế), chép tới đâu nước mắt tôi chảy tới đó". Là vì trước hết bài văn nhắc đến quãng đời "rất nghệ sĩ" của hai người trong cảnh khó khăn: Bút rờ ngòi, tiền cạn túi, anh khoe đồ cổ, chúng chẳng thèm mua. Nhà đột nóc, gạo lưng nòi, em bán bánh bao, lòi không đủ sống (...). Tôi la cà quán sách giải buồn. Bà cấp cùm, túi tiền nhỏ giọt. Về sau này, cuộc sống khá hơn khi họ dời về "vuông nhà cổ tích" rộng rãi hơn nhiều, khang trang hơn nhiều ở đường Nguyễn Thiện Thuật gần chợ Bà Chiểu năm xưa... Chính ở ngôi nhà này bà đã qua đời đột ngột vào trưa ngày 26.1.1988 sau khi đã đi một vòng thăm những nghệ sĩ lão thành như Ba Út và Năm Đồ về. Cụ Vương than: "Em sao vội phải tay đứng dậy? Tắt đèn đời, tìm giấc ngủ thiên thu. Anh chỉ còn trơ mắt nhìn theo: qua giòng lệ viết trang tình nửa đoạn"...

Chuyện nhà cụ Vương Hồng Sển Lê Hoàng Nguyên

“Tôi lấy anh Vương Hồng Bảo năm 1979, có ba đứa con. Chúng là tài sản lớn nhất của tôi”. Chị Liên con dâu cụ Vương Hồng Sển mở đầu câu chuyện kể về đời làm dâu gian truân của mình như thế. Ngoảnh lại, thấy bố chồng, chồng mình đều đã ở nơi chín suối. Cuộc đời vàng son như trong Hồng Lâu Mộng...”.

Như một quy ước, một thói quen, cứ vào mỗi sáng chủ nhật hàng tuần chị Ngọc Liên (vợ anh Vương Hồng Bảo, con dâu cụ Vương Hồng Sển) lại chạy xe từ Bình Thạnh ra hướng bờ kè kênh Nhiêu Lộc, sau lưng rạp Văn Hoa Dakao xưa.

Và cũng với quy ước, nhiều bạn bè thân quen muốn cùng chị ra ngồi ngắm cảnh dòng kênh, rồi cùng tám chuyện cho thư giãn chuyện đời. Trong số có Bích Liên (nguyên vợ ký giả Ngọc Hoài Phương), có Lam Thiên Hương (nguyên vợ ký giả Nguyễn Hoàng Đoan) v.v... thường xuất hiện ngồi cùng chị Ngọc Liên ở đây.

Tôi ít ra nếu không có lời mời từ người bạn Bích Liên xưa, vì rằng ở đây toàn những phụ nữ ngồi “tám” đủ mọi thứ chuyện trên đời. Có lần tôi ra ngồi chơi, mới nghe chị Ngọc Liên kể hết nỗi niềm về căn nhà của cha chồng để lại, hiện nay tuy nói rằng có Quyết định “quyền sở hữu nhà nước đối với di tích căn nhà của cụ Vương Hồng Sển” (khoảng năm 2003) nhưng từ đó đến nay gia đình chị chưa thể di dời, vì sự đền bù từ chính quyền các cấp chưa thỏa đáng.

Để rộng đường dư luận từ nhiều năm, qua sự tranh chấp nói trên, tôi xin giới thiệu lại mấy bài viết có liên quan đến chị Ngọc Liên, đến ngôi nhà cổ của cụ Vương như sau.

Sống với con trai cụ Vương

“Tôi lấy anh Bảo năm 1979, có 3 đứa con. Chúng là tài sản lớn nhất của tôi”. Chị Ngọc Liên con dâu cụ Vương Hồng Sển mở đầu câu chuyện kể về đời làm dâu gian truân của mình như thế. Ngoảnh lại, thấy cha chồng và chồng mình đều đã ở nơi chín suối. Cuộc đời vàng son như giấc mộng dưới gốc hòe.

Vương Hồng Bảo, chồng chị, mất năm 1998, trong tù. Các con chị Ngọc Liên đã lớn. “Ngày trước tôi sợ chết, vì lo con mồ côi cha, mồ côi mẹ. Giờ tôi nhắm mắt cũng được rồi. Các con tôi đều đã lớn. Tiếng là làm dâu cụ Vương Hồng Sển, đại quý tộc trăm anh, mà đời tôi chẳng nhận một cái gì. Hộ khẩu tôi cũng chẳng có ở nhà này. Nhưng tôi thực lòng không tiếc”.

Chị Ngọc Liên và anh Bảo cùng học trường Tây, quen nhau từ thuở ấu thơ. Lớn lên, chị lập gia đình với một bác sĩ người Pháp, có một đứa con, rồi ông ấy mất. Còn anh Bảo, chính chị đã làm mai mối anh Bảo cho người bạn gái Ấn Độ. Họ có 2 cháu, mất một cháu. Năm 1978, cô ta đưa đứa con gái đi khỏi Việt Nam. Chị Ngọc Liên và anh Bảo về sống với nhau.

Khi đó họ cùng làm ở Hãng phim Giải phóng. Anh làm kế toán, chị làm hóa trang. Chị về làm dâu cụ Vương Hồng Sển, bước vào tòa nhà cổ lừng lẫy xứ Sài Gòn với hàng ngàn món đồ cổ quý giá. Nhưng chị không có hộ khẩu trong gia đình, dù đã sinh cho cụ Vương Hồng Sển 3 đứa cháu nội.

Lúc đó cây cối um tùm. Nhà cửa thâm u. Chị nhớ lại : “Khi tôi sinh cháu nội cho ông, ông nói với mẹ tôi : Liên nó trúng số độc đắc. Ông mang những đồ cổ quý giá, đến cho tôi xem. Ông nói: con ơi, món này 30 cây, món kia 200 cây. Ông sợ rằng khi mình chết, tài sản tiêu tán đi, nên dặn dò như thế. Cụ lấy ba đời vợ, nửa đời mới có được đứa con là chồng tôi. Giờ có cháu nội, cụ mừng vui lạ thường”.

Làm dâu nhà cụ Vương Hồng Sển, nhà sử học tiếng tăm, một nhà văn hóa, người chơi đồ cổ lâu năm, một biểu tượng của văn hóa Nam Bộ, quả không phải chuyện dễ dàng. Khách đến chơi, đứng ở ngoài cửa nói chuyện. Khách cỡ nào được đến bàn trà giao lưu. Khách cỡ nào mới lên ngồi dưới bàn thờ. Khách cỡ nào được cho lên nhà trên. Tất cả việc ấy, cụ quy ước cả.

“Tôi là một chứng nhân sống trong ngôi nhà tiếng tăm này – Chị Ngọc Liên nói – Ông cụ sống rất giản dị. Bà mẹ chồng tôi góp phần xây dựng nên sự nghiệp, nhưng thực sự cụ chưa hưởng được gì.

Tiếng làm dâu, nhưng chị chẳng có gì : “Cái xe riêng tôi còn chưa có. Đi học lái xe, ông sợ xe đụng. Học bơi thì sợ chìm. Học đàn thì ông bảo: mầy đàn như đũa mù vậy”.

Chị về làm dâu, từ năm 1979-1989, đi làm việc ở hãng phim, lương bỏ tiền túi tiêu riêng. Mỗi tháng ông cụ phát tiền chợ, tiền mua 100 kí lô gạo, phát tiền đóng học phí của 3 cháu nội, phát tiền đồ đạc, tiền người làm, quản gia, phát tiền cho bà cụ ăn sáng, phát tiền cho hai vợ chồng ăn sáng.

Chị Ngọc Liên nói : “Vì cuộc sống quá an bình, nên tôi chẳng lo lắng gì. Tôi chẳng có thủ đoạn giành giật với ai. Khi chồng tôi có nhân tình, tôi bèn bỏ về nhà ngoại ở chợ Bến Thành”. Chị ra đi, buồn bã lắm, để 3 đứa con ở lại ngôi nhà cổ. Chị hỏi chồng : Giữa hai người đàn bà, anh phải chọn một. Nhưng chồng chị không chọn được, bởi vướng nợ nần với người đàn bà kia.



Vương Hồng Sển lúc làm Phó Ban hành chính tỉnh Sóc Trăng & chân dung cuối đời

Người chồng cả tin

Khi gặp lại nhau, họ làm cơ quan nhà nước. Cuộc sống rất yên bình. Rồi anh Bảo chuyển sang công ty vàng bạc, gặp bạn bè, bỏ công ty đi mở hiệu vàng riêng ! Đó là những ngày tháng vô cùng quan trọng, đã quyết định cuộc đời của anh và của cả gia đình. Bảo không biết đi buôn. Sau một thời gian làm ăn, anh bị lừa hết tiền.

Chị Ngọc Liên nhớ lại : “Chồng tôi cầm 300 cây vàng đi mở cửa hiệu, khi trở về, chỉ còn 20 cây. Chồng tôi bảo : Em đi sang Trung Quốc đòi tiền đi. Tôi mới bảo : *Em là thân con gái, sao đi xa vậy được. Người ta đã cố tình lừa, em đi, người ta giết em đó. Tôi thấy chồng tôi thực là ngây thơ*”.

Những khó khăn trong chuyện làm ăn, khiến anh Bảo rất buồn. Anh cố gắng khẳng định mình, làm ăn và kết bạn với một người phụ nữ khác. Đó là năm chị 37 tuổi. Giờ chị 60 tuổi rồi.

“Tôi đã mất tất cả – Chị nói – Chồng tôi cùng nhân tình vào tù với án chung thân. Chồng tôi chết trong tù, có người nói chồng tôi buồn quá nên tự tử mà chết. Bố chồng tôi cũng chết cùng năm ấy. Gia đình bỗng chốc tan nát. Cửa cải tiêu tan. Đời tôi không thể ngờ

có ngày như vậy. Tôi trở lại ngôi nhà này sau khi chồng tôi mất, để chăm sóc 3 đứa con thơ, lần hồi kiếm sống, chạy ăn từng bữa với khối nợ nần mà chồng tôi để lại đè lên gia đình này”.

Ngôi nhà cổ điêu linh



Mặt trước ngôi nhà cổ của cụ Vương Hồng Sển

“Giờ tôi cứ đi nhà thờ mỗi ngày. Con tôi cứ 5 giờ chiều về mở cửa hàng bán ốc. Ban ngày, chúng tôi cho thuê mặt bằng nấu cơm bụi, ngày thu 60 ngàn, lấy tiền mua gạo”. Chị Ngọc Liên trò chuyện với tôi, sau ngôi nhà cổ danh tiếng, đã bị chia năm sẻ bảy, coi nói lung tung.

Theo di chúc của cụ Vương Hồng Sển, ngôi nhà cổ được hiến cho nhà nước làm nơi trưng bày cổ vật của cụ, xây dựng một cái quỹ văn hóa mang tên Vương Hồng Sển. Cổ vật đã được đưa vào bảo tàng cất giữ. Nhưng chuyện bàn giao ngôi nhà cho nhà nước để tôn tạo làm di tích thì không hề đơn giản.

Chị Ngọc Liên xót xa : “Căn nhà này danh tiếng bao nhiêu, đau khổ bấy nhiêu. Một ngôi nhà bình thường, không chừng lại sừng” .

Cháu nội cụ Vương Hồng Sển, con của chị Liên, cháu lớn tên là Vương Hồng Liên Hương (1983), ở nhà bán ốc. Các em là Vương Bảo Thành, Vương Hồng Bảo Minh

đang đi làm ở các công ty với đồng lương ít ỏi.

Việc giải quyết nhà cửa cho con cháu của cụ Vương Hồng Sển vẫn chưa đến đâu. Các cơ quan chức năng muốn đền bù, đưa gia đình ra khỏi di tích, để tu sửa, tôn tạo. Nhưng qua thời gian dài, chưa thống nhất được phương án nào.



Thau hứng... nước mưa trên bàn thờ cụ Vương và Bà Năm Sa dếc

Ngôi nhà cổ xuống cấp, hư hại nghiêm trọng. Nhiều người chung sống trong căn nhà, “trời mưa, trong nhà dột chẳng kém ngoài trời”. Phần nhà coi nói cũng hư hỏng nhiều.

Vương Hồng Liên Hương nói với tôi : “Chúng tôi muốn bình yên. Tôi muốn sống ở đây. Giờ biết sống ở chỗ nào. Các em của tôi cũng đã lớn. Tôi muốn bình yên bán ốc để sống. Tôi cũng ba mươi tuổi rồi. Tôi đã có chồng, có con rồi. Nhà này giờ không còn gì hết, nhà này chỉ còn cái xác thôi. Lại không được xây dựng sửa chữa gì cả”.

Ngôi nhà cổ đã được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố từ năm 2003. Đến giờ, nom nó chẳng khác gì một phế tích, mà người sinh sống trong đó đang chật vật dưới nắng mưa.

Anh Nam, Phòng Di sản văn hóa, Sở VH-TTDL ở Sài Gòn cho biết : “Thành phố đã theo di chúc của cụ Vương Hồng Sển, xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với di tích, nhưng chưa thực hiện

được việc quản lý, do người nhà của cụ vẫn còn sống ở đó”. Anh Nam cho biết : “Nhiều lần nhà nước đã cấp nhà cho chị Hương và các em, nhưng gia đình chưa đồng ý với phương án đưa ra, kể cả lúc cấp nhà mặt tiền ở đường Vạn Kiếp với giá 8 tỷ đồng”.

Theo bản án tuyên với Vương Hồng Bảo trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, thì tòa yêu cầu bồi thường cho người bị hại là 5,350 tỷ đồng, 1.001,5 chỉ vàng, 46.700 USD.

Anh Nam cho biết : “Năm 2005 chị Vương Hồng Liên Hương đã khởi kiện đòi thành phố chia di sản, nhưng năm 2010 tòa đã bác yêu cầu của chị Hương đòi chia tài sản thừa kế đối với nhà di tích. Chúng tôi phải chờ phúc thẩm rồi mới thực hiện dự án tu bổ tôn tạo di tích được”.

Vụ án của người chồng, chưa thi hành án, lại đến vụ án của người con gái. Chị Liên cảm thấy mình như trong mơ bong bóng. Chị nói : “Chúng tôi muốn có nghề nghiệp ổn định, chẳng hạn mở một trung tâm ngoại ngữ mang tên Vương Hồng Sển. Bán ốc hoài thế này, cực các cháu quá”.



H1: Mặt trước ngôi nhà cổ của cụ Vương Hồng Sển. H2: Nội thất ngổn ngang sách. H3: Sân sau nhà, được cho thuê để nấu cơm bình dân

Tôi chia tay gia đình khi quán ốc đêm được dọn ra, ngay sau ngôi nhà cổ đang mục ruỗng theo thời gian. (theo Trần Nguyễn An)

Bà Năm Sa Đéc Lê Hoàng Nguyên



Nữ kịch sĩ Năm Sa Đéc từng là vợ cụ Vương Hồng Sển

Tên thật: Nguyễn Kim Chung – Ngày sinh: 1907

Bà Nguyễn Kim Chung sinh năm 1907 tại làng Tân Đông, Sa Đéc (nay thuộc xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp).

Bà vốn xuất thân trong gia đình có truyền thống nghệ thuật hát bội, được thân sinh đặt tên Kim Chung là nhằm mong khi lớn lên con mình sẽ trở thành như cô Năm Chung một đào hát bội nổi tiếng đương thời.

Ngay từ nhỏ, bà đã được bồi dưỡng nghệ thuật tuồng. Những năm 1930 – 1945, bà trở thành một đào hát giỏi trong các gánh : Trần Đất, Bàu Bòn, Huỳnh Kỳ, Song Phụng v.v.. Bà đóng rất

nhiều vai, được khán giả đương thời yêu thích, trong đó có vai Mạnh Thị trong vở Mạnh Lệ Quân thoát hài và nhiều vai khác trong các vở : Phụng Nghi Đình (Vai Lữ Bố), Ngũ biến báo phu cừu (vai cùi và điên, hát bài hành khất) v.v.. Bà được mọi người mến mộ gọi thân thương “Cô Năm Sa Đéc”, “Bà Năm Sa Đéc”.

Giữa năm 1947, Cô Năm Sa Đéc về làm vợ ông Vương Hồng Sển, hai ông bà sống ở căn nhà thuê “xóm Cù Lao”, đường Võ Duy Nguy, Phú Nhuận (Sài Gòn).

Sau một thời gian, bà trở lại sân khấu với sự động viên khuyến khích của chồng. “Cô Năm Sa Đéc” là một nghệ sĩ có tài, từ sân khấu hát bội cho đến sân khấu cải lương, đều có những thành công, góp phần phát triển nghệ thuật sân khấu miền Nam trong những năm 30 – 60 của thế kỷ 20... Trên sân khấu kịch nói, rồi cả điện ảnh, người nữ diễn viên “Bà Năm Sa Đéc” đều có những đóng góp đáng kể.

Đến với điện ảnh, sức làm việc của bà những năm cuối đời, hầu như không giảm sút. Năm 1987, vai bà Hai Lành trong phim Phù Sa, lúc bà đã đứng “bát tuần”. Năm 1986, bà về Nha Môn, Cái Tàu quay “Nơi bình yên chim hót” của đạo diễn Việt Linh; năm 1985, bà vào Mộc Hóa để quay “Mùa nước nổi” của đạo diễn Hồng Sến; năm 1984, bà ở Thuận Hải quay “Con thú tật nguyên” của Hồ Quang Minh và năm 1983, quay “Cho đến bao giờ” của đạo diễn Huy Thành.

Bà còn tham gia nhiều phim khác nữa. Lúc thì đảm nhận một bà lão nông thôn, đào hầm bí mật, lén lúc đổ từng thùng đất lúc vắng người (Cho đến bao giờ). Lúc thì về Đồng Tháp Mười, bà băng đồng gần cây số để đến chỗ quay, hoặc ngồi xuống suốt buổi, cùng cả đoàn ăn cơm vắt. Đến giờ quay, dù trời còn mưa, xe chưa đến rước, bà vẫn đi xích lô đến hiện trường và luôn cùng cả đoàn chịu nắng suốt buổi để quay, dù trong người không được khỏe lắm (Phù Sa). Sức làm việc, lao động nghệ thuật không mệt mỏi của bà thể hiện niềm say mê vô bờ bến, sự yêu mến nghề nghiệp tuyệt vời.

Nhớ đến Bà Năm Sa Đéc, người xem không chỉ nhớ đến những nhân vật bà Hội đồng chanh chua, đánh đá dữ dội trên sân khấu kịch nói mà còn nhớ đến hình tượng bà lão nông thôn Nam bộ đôn hậu, hiền lành và giàu lòng nhân ái – yêu con người, yêu thiên nhiên v.v. cũng như con người thật của bà yêu thiết tha quê hương sông Tiền, sông Hậu.



**Bà Năm Sa Đéc và cụ
Vương Hồng Sến**

Ở bà Năm, không chỉ thể hiện tài năng của một nghệ sĩ diễn xuất, mà còn là hiện thân của sự lao động miệt mài, không mệt mỏi, một đức độ chân chính của nhân cách người diễn viên trên sân diễn cũng như trong cuộc đời.

Bà Năm Sa Đéc – Nguyễn Kim Chung mất năm 1988. Bà ra đi, để lại sự thương tiếc cho mọi người đối với một nghệ sĩ tài hoa, đức độ.